

Số: 20/BC-CNDD/HĐQT

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**
- Tên tiếng Anh **PETROLEUM INDUSTRIAL AND CIVIL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **PVC – IC**
- Logo của Công ty



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 và cấp thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 18/12/2022
- Vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 đồng
- Trụ sở chính Số 35D, Đường 30/4, Phường 9, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại (0254) 3 834 784 Fax (0254) 3 839 925
- Email info@pvc-ic.com.vn Website <http://pvc-ic.com.vn>
- Mã cổ phiếu PXI
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, được thành lập ngày 21/12/2007 theo quyết định số 03/QĐ-HĐQT-TCT của Tổng công ty Cổ

phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4904000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28/12/2007 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng). Nhiệm vụ chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành Dầu khí; Đầu tư, xây lắp các công trình chuyên ngành Dầu khí; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng, cấp thoát nước; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ. Sau gần ba năm hoạt động, Công ty ngày càng phát triển. Sản lượng và lợi nhuận của Công ty không ngừng gia tăng, thu nhập của người lao động được nâng cao. Công ty trở thành một đơn vị chủ lực về xây dựng công nghiệp và dân dụng của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Nhằm chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty đã đề xuất phương án và được Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phê duyệt việc chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH 1 TV sang Công ty Cổ phần vào ngày 16/11/2009 theo quyết định số 964/QĐ-XLTK. Dựa trên quyết định này, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 với vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Ngày 21/06/2010, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sở GDCK TP HCM.

Đến nay, cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UPCOM Sở GDCK TP Hà Nội.

- Các sự kiện khác: Không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

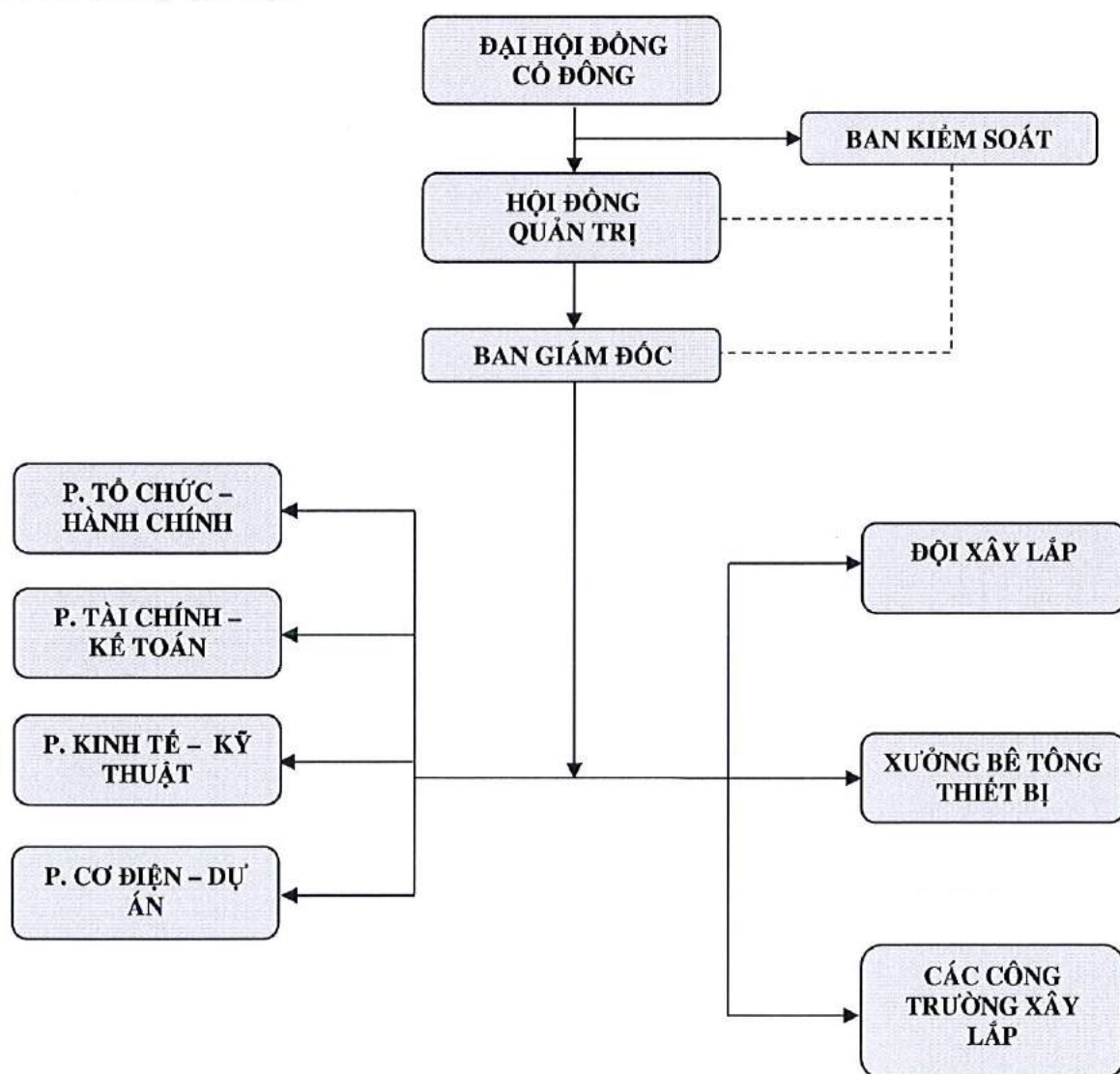
- Ngành nghề kinh doanh:

- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- + Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- + Xây dựng công nghiệp dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- + Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị;
- + Thi công, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống: báo cháy tự động, chữa cháy, chống sét, camera quan sát, tổng đài điện thoại, thang máy, điện, điện lạnh, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước;
- + Kinh doanh các thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, công nghiệp và khai khoáng;

- + Lập dự án đầu tư ; thiết kế kết cấu công trình dân dụng; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- + Sản xuất gạch nhẹ;
- + Sản xuất chế tạo thang cáp, máng cáp, bảng tủ điện, bảng tủ điều khiển các loại;
- + Gia công cơ khí (không sản xuất tại các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và Phường Thăng Tam của TP Vũng Tàu);
- + Thi công xây dựng đường dây và trạm biến thế điện trung thế đến 35 KV.
- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh thành trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị ; Ban kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
 - + Xây dựng và phát triển PVC-IC thành một Công ty Xây lắp, có trình độ quản lý và công nghệ thi công xây lắp đủ để quản lý và triển khai những dự án công nghiệp, dân dụng và các dự án của ngành Dầu khí theo hình thức tổng thầu EPC.
 - + Tiếp tục khai thác và nâng cao tỷ trọng trong lĩnh vực xây dựng công trình công nghiệp chiếm khoảng 70% - 80% trong tổng doanh thu xây lắp của PVC-IC, đây là thế mạnh của PetroVietnam.
 - + Duy trì và phát triển thế mạnh hiện có của PVC-IC trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng tiến tới nhận thầu các công trình cao ốc theo hình thức tổng thầu EPC, hoặc hình thức chìa khóa trao tay
 - + Ngoài các mục tiêu chủ yếu, trên cơ sở đánh giá tổng quan thị trường và vị trí của PVC-IC, HĐQT xác định các mục tiêu cơ bản của năm 2024 và các năm tiếp theo:
 - + Đạt những chỉ tiêu kinh tế theo đúng kế hoạch đã đề ra.
 - + Nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì vị trí hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây dựng theo hướng nhận thầu công trình có qui mô từ vừa đến lớn, yêu cầu kỹ - mỹ thuật cao.
 - + Tiếp tục củng cố uy tín thương hiệu, đáp ứng ngày càng cao các tiêu chuẩn về “Chất lượng, Đổi mới Sáng tạo và Năng lực Lãnh đạo”.
 - + Nâng cao năng lực cạnh tranh về mọi mặt.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong giai đoạn nền kinh tế khó khăn như hiện nay, PVC-IC vẫn quyết tâm phấn đấu mức tăng trưởng/ duy trì tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2024 đến 2030 như sau:
 - ✓ Giá trị SXKD phấn đấu mức tăng trưởng đạt 10% đến 15% năm.
 - ✓ Tìm kiếm và đầu tư với các đối tác để triển khai các dự án bất động sản (nếu đủ điều kiện về nguồn vốn và tài chính) và tiến tới làm chủ đầu tư các dự án bất động sản để chủ động việc làm; nhận thầu các dự án xây lắp có quy mô từ 50 tỷ trở lên chiếm tỷ trọng lớn, thời gian thi công nhanh.
 - ✓ Phát triển kinh doanh thêm ngành nghề cung ứng dịch vụ, thương mại.
 - ✓ Phát triển PVC-IC thành Tổng công ty có qui mô lớn, lấy đầu tư xây dựng làm trung tâm và chiếm tỷ trọng từ 50% - 70% giá trị SXKD tùy từng giai đoạn và điều kiện cho phép.

Để đạt được chiến lược trên, cần thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau:

 - ✓ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý tiên tiến để đáp ứng quản lý tốt và hiệu quả các công trình xây dựng có qui mô ngày càng lớn và yêu cầu kỹ - mỹ thuật cao.
 - ✓ Cổ phần hóa phần vốn góp của Nhà nước trong cơ cấu vốn.

- ✓ Kêu gọi vốn góp từ các Cổ đông lớn, tập đoàn kinh tế, tập đoàn tài chính. Hợp tác với những công ty có nhiều kinh nghiệm và năng lực tài chính mạnh trong các lĩnh vực mà Công ty chưa có nhiều kinh nghiệm để mở rộng thị trường.
 - ✓ Ứng dụng hệ thống Công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Chú trọng số hóa và chuyển đổi số trong quản lý điều hành.
 - ✓ Nâng cao chất lượng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế trong hoạt động SXKD.
 - ✓ Từng bước mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều tỉnh thành khác trong cả nước. Xây dựng các đội thi công/Công ty con/Công ty liên kết chuyên nghiệp thi công Các công trình công nghiệp và Hạ tầng.
 - ✓ Áp dụng các kỹ thuật thi công tiên tiến trên thế giới để nâng cao sức cạnh tranh của công ty nhờ vào việc thi công đạt tiến độ ngắn nhất, chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.
 - ✓ Tạo dựng niềm tin và uy tín cao đối với khách hàng.
 - ✓ Quản lý tốt các rủi ro, thu hồi kịp thời công nợ, hạn chế nợ xấu. Duy trì và Nâng cao uy tín của Công ty với các ngân hàng.
 - ✓ Quản lý thi công, tài chính tốt để đạt các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đã đặt ra nhằm mang lại hiệu quả kinh tế và lợi ích cho cổ đông góp vốn.
 - ✓ Tiếp tục củng cố uy tín thương hiệu, đáp ứng cao nhất các tiêu chuẩn của hội đồng thương hiệu Quốc gia.
 - ✓ Đến cuối 2030, Công ty đứng trong top 100 các doanh nghiệp đầu tư xây dựng tại Việt Nam.
 - ✓ Tạo môi trường làm việc hiệu quả, đẩy mạnh công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên. Nâng cao năng lực lãnh đạo các cấp quản lý. Tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp đặc sắc và mang tính nhân văn của Công ty. Nâng cao hình ảnh của Công ty một cách nổi bật trong thị trường đầu tư xây dựng để thu hút nhân tài cho sự phát triển bền vững.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Tăng cường năng lực quản trị tài chính, xây dựng các kịch bản ứng phó và các phương án ổn định kinh doanh nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi được xem là những yếu tố quan trọng giúp Công ty tồn tại, tạo nên sức bật để phát triển vươn xa. Đây cũng chính là chiến lược hoạt động chính của PVC-IC trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

5. **Các rủi ro:**

- Trong thời gian tới tình hình đầu tư của ngành Dầu khí giảm, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch xây dựng cơ bản của tập đoàn đã được xây dựng. Trong khi đó, hầu hết các công trình xây lắp của công ty PVC-IC đều là các công trình trong ngành và sẽ phụ

thuộc rất nhiều vào sự biến động này trong thời gian tới.

- Mặc dù tình hình nợ xấu của các ngân hàng trong thời gian qua cũng đã được giải quyết một phần đáng kể. Tuy nhiên, vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để đặc biệt là các ngân hàng đang tìm mọi cách để làm đẹp tình hình tài chính của doanh nghiệp. Do đó, tuy lãi suất ngân hàng thời gian qua đã biến động khó lường, và rất có thể trong thời gian tới lãi suất có thể lại tăng điều này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí tài chính của doanh nghiệp.
- Trong một vài năm gần đây lực lượng lao động của ngành xây dựng liên tục giảm nguyên nhân là do thời gian vừa qua các khu công nghiệp/ Dự án có quy mô lớn, trọng điểm quốc gia đã thu hút phần lớn lực lượng lao động trong xã hội. Trong khi PVC-IC đang chủ yếu xây lắp các công trình là chính nên cần một lực lượng lao động ổn định dẫn đến tình trạng khan hiếm và đẩy mức chi phí nhân công lên rất cao.
- Sau sự bùng phát dịch COVID-19 dẫn đến có những thách thức tác động đến Kinh tế - Xã hội nói chung, ít nhiều đến Công ty và được dự báo sẽ có những tác động đáng kể đến sự phát triển nền kinh tế Việt Nam trong các năm tiếp theo. Do vậy, các kịch bản và dự đoán liên quan đến các tác động đối với kinh tế Việt Nam cũng tương quan với các tác động đối với kinh tế của các nước khác sau đại dịch COVID-19. Đặc biệt là giá dầu mỏ, khí đốt có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với các nền kinh tế, loại hình kinh tế chủ yếu do giá cả các loại mặt hàng leo thang tăng giá, trong đó Công ty chịu ảnh hưởng của các loại vật tư, nguyên liệu dùng trong sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng cao làm giảm lợi nhuận.
- Tình hình bất ổn chính trị, các hoạt động quân sự tại một số khu vực trên thế giới vẫn tiếp tục gia tăng mà chưa xác định thời điểm kết thúc.
- Giá đấu thầu đang rất cạnh tranh, nhiều đối thủ sẵn sàng phá giá để tồn tại.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2023	Ghi chú
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính			
1	Vốn điều lệ đầu năm	Tỷ đồng	300	
2	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	38,11	
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	39,99	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-19,34	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-19,34	
II	Đầu tư	Tỷ đồng	-	
1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	-	
2	Mua sắm MMTB	Tỷ đồng	-	
III	Nộp NSNN	Tỷ đồng	8,00	Số đã nộp
	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4,42</i>	
	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>8,00</i>	

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2023	Ghi chú
IV	Thu nhập bình quân	Tr đồng		
1	Bình quân toàn Công ty	Tr.đồng/ người/tháng	9,30	
2	Bình quân người lao động	Tr.đồng/ người/tháng	8,40	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Giá trị		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ% (TH/KH)
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính				
1	Vốn điều lệ đầu năm	Tỷ đồng	300	300	100%
2	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	57,00	38,11	66,87%
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	46,00	36,99	80,41%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,18	-19,34	-
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,18	-19,34	-
II	Đầu tư	Tỷ đồng	-	-	-
1	Đầu tư XDCCB	Tỷ đồng	-	-	-
2	Mua sắm MMTB	Tỷ đồng	-	-	-
III	Nộp NSNN	Tỷ đồng	4,50		
	Số phải nộp trong năm	Tỷ đồng		4,42	98,22%
	Số đã nộp trong năm	Tỷ đồng		8,00	177,77%
IV	Thu nhập bình quân	Tr đồng	9,30		
1	Bình quân toàn Công ty	Tr.đồng/ người/tháng		9,30	100%
2	Bình quân người lao động	Tr.đồng/ người/tháng		8,40	90,32%

Từ số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện SXKD năm 2023 như đã trình bày trên. Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của năm tại Nghị quyết số 73/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và đã được HĐQT Công ty PVC-IC giao tại Nghị Quyết số 79/NQ-CNDD/HĐQT ngày 11/5/2023. Cụ thể:

↓ Về sản lượng xây lắp thực hiện năm 2023: Giá trị sản lượng chỉ thực hiện tại Dự án Thái Bình 2 nhưng rất hạn chế, các công trình, dự án mới chưa có để thực hiện. Trong kế hoạch xây dựng giá trị SXKD năm 2023 gồm các Công trình dự án sau:

Stt	Tên công trình/Dự án	Giá trị ước thực hiện (Tỷ đồng)	Tình trạng đến nay
1	Hàng rào và hạ tầng kỹ thuật sân golf Mỹ Sơn – Bình Thuận 182 ha	16,50	Chủ đầu tư dừng dự án
2	Cụm công nghiệp và khu dân cư Phú Mỹ - Tiền Giang 75 ha	22,00	Chủ đầu tư dừng dự án

Tuy nhiên trong năm 2023 các công trình này đã không triển khai thực hiện được

do Chủ đầu tư tạm dừng dự án. Do vậy, Giá trị SXKD năm 2023 từ hoạt động xây lắp chủ yếu từ phần việc còn lại và nhận thêm tại Dự án Thái Bình 2 là khoảng 2,81 tỷ đồng; Ghi nhận lại giá trị sản lượng từ dự án Viện Dầu khí giai đoạn 1 là 25,23 tỷ đồng do công tác điều chuyển Công ty nhận lại từ Tổng thầu EPC và một phần cho thuê máy móc, thiết bị ... Tỷ lệ đạt 66,87% kế hoạch năm.

✚ Về doanh thu: Tổng doanh thu năm 2023 cũng thu được từ hoạt động xây lắp tại Dự án Thái Bình 2, Viện Dầu khí GĐ1 và cho thuê máy móc, thiết bị, khai thác tài sản ... với giá trị đạt 80,41% kế hoạch năm.

✚ Lợi nhuận trước thuế: Với hai chỉ tiêu sản lượng và doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty đều không hoàn thành chỉ tiêu, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế âm 19,34 tỷ đồng. Do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Dự án - TTPT thí nghiệm & văn phòng VDK GĐ 1 lỗ 2,96 tỷ đồng (Giảm khối lượng Quyết toán).

+ Khoản tiền bị phạt do vi phạm tiến độ hợp đồng VDK (Giai đoạn 1): 2,65 tỷ đồng.

+ Lỗ do TLHĐ số 21 với DOBC: 7,81 tỷ đồng (HĐKT không thực hiện được, phải hạch toán giảm doanh thu, lợi nhuận đã ghi nhận trước đây).

+ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi 5,92 tỷ đồng (trong đó: Dự phòng phải thu tiền tạm ứng hợp đồng VDK với PVC-SG là 3,71 tỷ đồng).

(Các yếu tố phát sinh gây lỗ trong năm 2023 đều thuộc các giai đoạn và năm tài chính trước đây do Công ty chưa đủ cơ sở để hạch toán).

✚ Các khoản nộp ngân sách nhà nước: Theo kế hoạch năm: 4,5 tỷ đồng; Thực hiện 8,00 tỷ đồng. Đạt 177,77% kế hoạch năm; Hiện nay Công ty vẫn còn nợ Thuế và tiền thuê đất là 39 tỷ đồng nhưng chưa thu xếp được nguồn để nộp.

✚ Hoạt động đầu tư: Không thực hiện đầu tư mới, chỉ tiếp tục thực hiện hoàn thành thủ tục quyết toán vốn các dự án đã triển khai.

✚ Thu nhập bình quân: Theo kế hoạch năm là 9,3 triệu đồng/người/tháng.

+ Bình quân toàn Công ty: Thực hiện 9,3 triệu đồng/người/tháng.

+ Bình quân người lao động: Thực hiện 8,4 triệu đồng/người/tháng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

a) Danh sách đến 31/12/2023

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu/Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	- Thành viên HDQT - Chủ tịch HDQT	29/11/2022 29/11/2022	Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu/Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
				doanh; Cử nhân tiếng pháp
2	Bà Lê Thị Thu Huyền	- Thành viên HĐQT	28/04/2023	Cử nhân Kinh tế
3	Ông Trần Sỹ Huấn	- Thành viên HĐQT độc lập	29/11/2022	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí

b) Tóm tắt lý lịch

1) Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT - Ngô Bùi Ngọc

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 27/10/1976
- Nơi sinh: TP Nam Định, Tỉnh: Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Yên Lộc – Ý Yên – Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 18.04 Tòa C Cao ốc SCREC Số 974A Đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, TPHCM
- Nơi ở hiện nay: Phòng 18.04 Tòa C Cao ốc SCREC Số 974A Đường Trường Sa, Phường 12, Quận 3, TPHCM
- Số CMND: 036076000059. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/11/2020
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh doanh ; Cử nhân tiếng pháp.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2001	Công ty Allianz – AGF (Pháp)	Chuyên viên tài chính, Marketing
Từ 2001 đến 2002	Công ty XNK INTIMEX	Chuyên viên Xuất nhập khẩu
Từ 2002 đến 2003	Công ty Sông Đà 12	Chuyên viên
Từ 2003 đến 2008	Công ty Cp Thép Việt Ý – Tổng công ty Sông Đà	Chuyên viên
Từ 2008 đến 08/2008	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trợ lý HĐQT – Phó chánh VP
Từ 08/2008 đến 03/2009	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban Thương mại

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 03/2009 đến 05/2009	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban Kỹ thuật An toàn
Từ 05/2009 đến 08/2009	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng ban Thiết bị cơ giới
Từ 08/2009 đến 09/2009	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó phòng Kinh tế Chi nhánh TCCG Dầu khí
Từ 10/2009 đến 03/2010	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban điều hành các dự án của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
Từ 03/2010 đến 08/2010	Ban quản lý dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí	Phó giám đốc ban QLDA Khu đô thị Đại học Dầu khí
Từ 08/2010 đến 11/2011	BDH các dự án của PVC tại Hà Nội	Phó giám đốc Ban điều hành
Từ 11/2011 đến 01/2014	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban tổ chức nhân sự
Từ 01/2014 đến 07/2015	Công ty CP Đầu tư Vinaconex – PVC	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2015 đến 06/2018	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2018 đến 11/2019	Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)	Phó giám đốc
Từ 11/2019 đến 06/2020	- Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland); - Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú	Phó giám đốc Petroland – Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú
Từ 06/2020 đến 11/2022	- Công ty Cp Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland); - Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú; - Công ty cổ phần Tập đoàn T.N; - Công ty Cổ phần Đầu tư Gia An Phát; - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Phó giám đốc Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu tư Mỹ Phú; Tổng giám đốc Tổng giám đốc TV độc lập HĐQT
Từ 11/2022 đến nay	- Công ty cổ phần Tập đoàn T.N; - Công ty Cổ phần Đầu tư Gia An Phát; - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Tổng giám đốc. Tổng giám đốc Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT

– Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- + Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn T.N
- + Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Gia An Phát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 8.000.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2) Thành viên HĐQT - **Lê Thị Thu Huyền**

- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 14/8/1976
- Nơi sinh: TP Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: TP Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Số 29 ngõ 58 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân. TP Hà Nội
- Nơi ở hiện nay: P2706 Tòa N01T4, đường Hoàng Minh Thảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm. TP Hà Nội
- Số CCCD: 036176010764 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/4/2021.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Trình độ lý luận chính trị:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 01/2000 – T11/ 2003	Công ty Dệt Vải Công nghiệp Hà Nội	Tổ trưởng Tổ Marketing – Phòng SXKD
Tháng 5/2004 – Tháng 6/2019	Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Tổ trưởng Tổ Kế hoạch – Phòng KHĐT
Tháng 7/2019 – Tháng 5/2020	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không (Taseco Air)	Phó phòng Kinh doanh
Tháng 6/2020 – Tháng 5/2021	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phúc Linh	Phó giám đốc điều hành

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 07/2021 - tháng 04/2022	Công ty TNHH Inaka Việt Nam	Giám đốc
Từ tháng 04/2022 đến nay	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban Kinh tế Thương mại
Từ ngày 28/4/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVCIC)	Kiểm nhiệm UV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 7.300.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

3) Thành viên HĐQT độc lập - **Trần Sỹ Huấn**

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 18/08/1976
- Nơi sinh: Bình Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Bình Định.
- Địa chỉ thường trú: 171 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Nơi ở hiện nay: 171 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số CMND: 052076013041 Nơi cấp: Cục CS QLHC về trật tự XH.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Cơ khí.
- Trình độ lý luận chính trị:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1999 đến 09/2020	Công ty Cổ phần kết cấu kim loại và lắp máy Dầu khí	Nhân viên kỹ thuật; Phó Giám đốc
Từ 09/2020 đến	Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp	Trưởng phòng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2022	hóa dầu miền nam	quản lý giao diện
Từ 11/2022 đến nay	Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu miền nam; Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí;	Trưởng phòng quản lý giao diện Ủy viên HĐQT độc lập

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.1.2 Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

Ngày 28/04/2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã bầu Ông Phan Văn Hùng – làm TV BKS Công ty thay cho Bà Trần Thị Thành Huế;

Theo đó, nhân sự BKS qua các giai đoạn như sau:

Giai đoạn từ 01/01/2023 đến hết ngày 28/04/2023

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Trần Thị Thành Huế	Trưởng ban Kiểm soát	29/06/2020 28/04/2023	Cử nhân Quản trị kinh doanh và cử nhân kế toán
2	Ngô Trúc Vy	Thành viên BKS không chuyên trách	03/07/2017	Cử nhân kinh tế
3	Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên BKS không chuyên trách	29/06/2020	Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Giai đoạn từ 28/04/2023 đến hết ngày 31/12/2023

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ngô Thị Thu Hoài	Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách	28/04/2023	Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Phan Văn Hùng	Thành viên BKS	28/04/2023	Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng
3	Ngô Trúc Vy	Thành viên	03/07/2017	Cử nhân kinh tế

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
		BKS không chuyên trách		

a) Danh sách đến 31/12/2023

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu/Bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ngô Thị Thu Hoài	Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách	28/04/2023	Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Phan Văn Hùng	Thành viên BKS	28/04/2023	Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng
3	Ngô Trúc Vy	Thành viên BKS không chuyên trách	03/07/2017	Cử nhân kinh tế

b) Tóm tắt lý lịch

1) Trưởng ban Ban kiểm soát - Ngô Thị Thu Hoài

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 29/04/1975
- Nơi sinh: Hải Hậu, Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Hậu, Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: P312, C5, Khu TT Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 011892215. Nơi cấp: CA. Hà Nội, Ngày cấp: 28/5/2010
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 4/1997 đến 5/1997	Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	Nhân viên kế toán
Từ 6/1997 đến 12/2007	Xí nghiệp 9 - Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	Nhân viên kế toán
Từ 01/2008 đến 11/2008	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Nhân viên kế toán
Từ 11/2008 đến 8/2009	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán
Từ 9/2009 đến	Chi nhánh Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Phụ trách Phòng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2009		Tài chính kế toán
Từ 01/2010 đến 10/2010	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán
Từ 3/2010 đến 10/2010	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán Thành viên BKS kiêm nhiệm
Từ 10/2010 đến 6/2013	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Thành viên BKS kiêm nhiệm
Từ 7/2010 đến 03/2023	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban TCKT- Kiểm toán Thành viên BKS không chuyên trách
Từ 04/2023 đến nay	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban TCKT- Kiểm toán Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2) Thành viên Ban kiểm soát – **Phan Văn Hùng**

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 04/05/1970
- Nơi sinh: Hà Tĩnh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Phù Lưu – Huyện Lộc Hà - Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: 855/F6, đường Bình Giã, Phường 10, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Số CCCD: 042070016538 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, ngày cấp 27/12/2021

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng
- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 đến 2008	Xí nghiệp khảo sát kiểm định và dịch vụ công trình thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí,	Nhân viên
Từ 2009 đến 2010	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí	CBKT phụ trách thi công phần M&E Khách sạn Dầu khí
Từ 2010 đến 2011	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí	CBKT phụ trách thi công phần M&E xưởng Panel PV Shipyard, Nhà sơn tổng đoạn PVShipyard
Từ 2011 đến 2012	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí	CBKT phụ trách thi công phần M&E Nhà điều hành Vietsovpetro 105 Lê Lợi; CBKT phụ trách thi công phần M&E Tòa nhà chung cư và văn phòng số 2 Nguyễn Hữu Cảnh
Từ 2012 đến 2013	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí	CBKT phụ trách thi công phần M&E Tòa nhà chung cư HH1
Từ 2014 đến 2019	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí	CBKT phụ trách thi công phần M&E Khu phức hợp TMDV văn phòng và căn hộ 33A đường 30/4 Phường 9 TP Vũng Tàu
Từ 2019 đến 2022	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí	Tổ phó tổ quản lý chung cư Khu phức hợp và căn hộ 33A đường 30/4 Phường 9 TP Vũng Tàu
Từ 2022 đến 27/4/2023	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí	Chuyên viên phòng Kinh tế kỹ thuật, Phó ban quản trị Chung cư Khu phức hợp và căn hộ 33A đường 30/4 Phường 9 TP Vũng Tàu
Từ 28/4/2023 đến nay	Công ty CP XD CN & Dân dụng Dầu khí	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

3) Thành viên Ban Kiểm soát – **Ngô Trúc Vy**

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 03/08/1985
- Nơi sinh: Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bà Rịa – Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: 674C đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu
- Số CMND: 273147418. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu, Ngày cấp: 16/04/2007
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp chính trị
- Quá trình công tác :

Tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 6/2005 đến tháng 09/2009	Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí (PVE)	Nhân viên
Từ tháng 07/2011 đến tháng 06/2012	Đội xây lắp Điện nước - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên
Từ tháng 07/2012 đến 07/2017	Phòng cơ điện - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên
Từ 08/2017 đến 02/2023	Phòng cơ điện - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên, Thành viên BKS không chuyên trách
Từ 03/2023 đến nay	Phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng dầu khí	Chuyên viên, Thành viên BKS không chuyên trách

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: 0 cổ phần

2.1.3 Thông tin về Ban giám đốc (BGĐ):

a) Danh sách đến 31/12/2023

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	07/12/2022	Kỹ sư Xây dựng; Thạc sỹ Xây dựng công trình ngầm
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	01/06/2016	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản
3	Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	23/07/2015	Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo

b) Tóm tắt lý lịch

1) Giám đốc Công ty - Lê Minh Hải

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 10/12/1976
- Nơi sinh: Phường Văn Miếu, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phường Văn Miếu, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 51 Lê Lai, Phường 1, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Nơi ở hiện nay: 139/20/18 Phan Chu Trinh, Phường 2, TP Vũng Tàu, Tỉnh BRVT.
- Số CMND: 036076016295 Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về Trật tự xã hội, Cấp ngày 28/06/2021.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng - Thạc sỹ KT XD công trình ngầm.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị
- Quá trình công tác:

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T11/2001 đến T3/2006.	Xí nghiệp Xây dựng số 1 thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.	Cán bộ kỹ thuật đội

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T4/2006 đến T12/2007.	Xí nghiệp Xây dựng số 1 thuộc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Cán bộ Kỹ thuật công trường
Từ T1/2008 đến T3/2009.	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Đội trưởng Đội công trình số 1
Từ T4/2009 đến T10/2009.	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Đảng viên, Phó Tổng Giám đốc
Từ T11/2009 đến T5/2011.	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc
Từ T6/2011 đến T4/2014	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Giám đốc -
Từ T5/2014 đến T6/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT
Từ T6/2018 đến T2/2021	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Bí thư Đảng bộ, Ủy viên HĐQT
Từ T2/2021 đến T4/2022	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Chuyên viên
Từ T4/2022 đến T2/2022	Công ty TNHH Thiện Long	Chuyên gia
Từ T12/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2) Phó Giám đốc - **Nguyễn Văn Hoàn**

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 10/9/1965
- Nơi sinh: Yên Tân, Ý Yên, Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Ý Yên, Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 65 Lương Thế Vinh, Phường 9, TP.Vũng Tàu.
- Nơi ở hiện nay: 56A Yên Bái, Phường 4, TP.Vũng Tàu.

- Số CMND: 36065011616 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 28/06/2021.
- Trình độ văn hóa: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán xây dựng cơ bản.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị
- Quá trình công tác:

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 đến 03/1999	Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kiểm soát viên thuế
Từ 04/1999 đến 07/2002	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kế toán tổng hợp
Từ 08/2002 đến 06/2005	Xí nghiệp Xây dựng số 1 – thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 07/2005 đến 11/2005	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 12/2005 đến 11/2006	Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng	Phụ trách Ban Kiểm soát
Từ 12/2006 đến 03/2008	Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 03/2008 đến 07/2012	- Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng. - Công ty CP cấu kiện bê tông DIC Tín Nghĩa. - Công ty CP DIC Long Hương. - Công ty CP DIC Minh Hưng. - Công ty CP DIC Vật liệu	Trưởng Ban Kiểm soát Kiểm nhiệm : Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT
Từ 08/2012 đến 06/2013	- Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng. - Công ty CP DIC Phương Nam. - Công ty CP DIC Đồng Tiến. - Công ty CP DIC Hội An. - Công ty CP Gạch men Anh Em DIC.	Giám đốc Ban Đầu tư & Quản lý vốn. Kiểm nhiệm : Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT
Từ 07/2013 đến 03/2016	Công ty CP Du lịch & Thương mại DIC – thuộc Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2016 đến 05/2016	Nghỉ làm thủ tục chuyển công tác	
Từ 06/2016 đến 10/9/2018	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí – thuộc Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 09/2018 đến 12/2021	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	Thành viên HĐQT kiểm Phó Giám đốc
Từ 12/2021 đến 13/02/2023	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 14/02/2023 nay	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổ chức Hành chính

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

3) Phó Giám đốc – **Phạm Mạnh Cường**

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 11/7/1970
- Nơi sinh: Lạng Sơn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: 24D7 Phan Kế Bính, Phường 9, TP.Vũng Tàu
- Số CCCD: 020070004549. Nơi cấp: cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ; Ngày cấp: 13/01/2022
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/1998 đến 12/2003	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kỹ sư
Từ 01/2004 đến 3/2006	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó Trưởng phòng
Từ 4/2006 đến 7/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó Trưởng phòng
Từ 8/2007 đến 11/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 12/2007 đến 11/2009	Phòng Vật tư thiết bị - Công ty TNHH 1TV Xây dựng Công nghiệp	Trưởng phòng

Tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
	và Dân dụng Dầu khí	
Từ 12/2009 đến 02/2010	Phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 3/2010 đến 3/2010	Công trường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Giám đốc Dự án
Từ 4/2010 đến 26/4/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 27/4/2017 đến 20/7/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Từ 21/7/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.1.4 Thông tin về Kế toán trưởng (KTT):

Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Lê Ngọc Hoàng

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 14/05/1967
- Nơi sinh: Thạch Mỹ, Lộc Hà, Hà Tĩnh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thạch Mỹ, Lộc Hà, Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: Số 11 Đống Đa, Phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu
- Số CCCD: 042067003121. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội, Cấp ngày 23/05/2023
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý công nghiệp
- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
------------------	------------------------	----------------

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 02/1985 đến 06/1987	Trung đoàn 414 - Quân khu 4	Bộ đội
Từ 8/1988 đến 7/1991	Trường Trung cấp Thống kê II	Sinh viên
Từ 12/1991 đến 12/1994	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Kế toán Vật tư, kế toán Ngân hàng
Từ 01/1995 đến 10/2006	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Kế toán Tổng hợp, kế toán công nợ
Từ 11/2006 đến 7/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới – Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 8/2007 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2008 đến 4/2008	Xí nghiệp Thi Công Cơ giới - Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 5/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 12/2009 đến 19/02/2013	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Ngày 20/02/2013 đến 04/09/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Kế toán
Ngày 05/09/2018 đến 13/02/2023	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính - Tổng hợp
Từ 14/02/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Phòng Tài chính Kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

2.2.1 Thông tin Hội đồng quản trị.

Ngày 28/04/2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã bầu Bà Lê Thị Thu Huyền – làm TV HĐQT Công ty thay cho Ông Trần Ngọc Lâm; Theo đó, nhân sự HĐQT qua các giai đoạn như sau:

a. Giai đoạn từ 01/01/2023 đến hết ngày 28/04/2023

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/HDQT độc lập	
				Ngày bầu/Bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	- Thành viên HDQT - Chủ tịch HDQT	Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh doanh; Cử nhân tiếng pháp	29/11/2022 29/11/2022	
2	Ông Trần Ngọc Lâm	- Thành viên HDQT	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Xây dựng	28/12/2021	28/04/2023
3	Ông Trần Sỹ Huân	- Thành viên HDQT độc lập	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí	29/11/2022	

b. Giai đoạn từ 28/04/2023 đến hết ngày 31/12/2023

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/HDQT độc lập	
				Ngày bầu/Bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	- Thành viên HDQT - Chủ tịch HDQT	Thạc sỹ kinh tế Quản trị Kinh doanh; Cử nhân tiếng pháp	29/11/2022 29/11/2022	
2	Bà Lê Thị Thu Huyền	- Thành viên HDQT	Cử nhân Kinh tế	28/04/2023	
3	Ông Trần Sỹ Huân	- Thành viên HDQT độc lập	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí	29/11/2022	

2.2.2 Thông tin Ban giám đốc: Không có thay đổi trong năm 2023

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động của Công ty là 27 người.
- Cơ cấu lao động của công ty:

Stt	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	Phân theo giới tính (đvt: người)		
1	Nam	18	
2	Nữ	9	
3	Tổng	27	
II	Phân theo trình độ chuyên môn (đvt: người)		
1	Thạc sỹ	02	
2	Đại học	22	

Stt	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
3	Cao đẳng	01	
4	Trung cấp	01	
5	Cán sự và nhân viên khác	-	
6	Dạy nghề và lao động phổ thông	01	
7	Tổng (đvt: người)	27	
II	Lương bình quân/người (cả năm 2023)	8.400.000 đồng	

- Chính sách đào tạo: Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay thì nguồn nhân lực có chất lượng cao là một nhân tố then chốt dẫn đến thành công của các công ty. Nhận thức được điều này, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề để đạt hiệu quả cao trong công việc.
- Chính sách lương: Công ty xây dựng Quy chế trả lương, trả thưởng và hệ thống thang bảng lương theo đúng quy định mới nhất được Chính phủ ban hành và Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, và đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt ban hành. Việc trả lương của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, gắn liền với năng suất, chất lượng đồng thời khuyến khích Người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành công việc được giao.
- Các chính sách đãi ngộ khác
 - ✓ Người lao động làm việc tại PVC-IC được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
 - ✓ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV.
 - ✓ Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại, khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVC-IC.
 - ✓ Có kế hoạch phát động phong trào thi đua tại Công ty hàng quý, năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Theo chủ trương chung, việc thoái vốn các dự án bất động sản đã được triển khai, mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thì công tác đầu tư, thoái vốn các Dự án Bất động sản cũng đang gặp những khó khăn vướng mắc nhất định. Cụ thể đó là :

- ✓ Dự án 242 Nguyễn Hữu Cảnh, đã hoàn thành bàn giao cho khách mua và hoàn thành dự án.
- ✓ Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát với giá trị đầu tư còn lại là 12,9 tỷ đồng đã có kế hoạch thoái vốn, Công ty đã kiến nghị được rút phần vốn góp này tuy nhiên các chủ

thể của Hợp doanh chưa triển khai các thủ tục thoái vốn;

- ✓ Dự án Khu phức hợp Thương mại – Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30 tháng 4, phường 9 thành phố Vũng Tàu với Tổng mức đầu tư là 798.955.000.000 đồng. Đến 31/12/2021 đã hoàn thành đưa dự án vào sử dụng, bàn giao toàn bộ 486 căn hộ cho khách hàng, chuyển nhượng toàn bộ 05 sàn thương mại. Đối với diện tích bãi đậu xe tại tầng hầm dự án thuộc sở hữu Công ty, nếu đủ điều kiện Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng để thu hồi vốn đầu tư bổ sung dòng tiền phục vụ SXKD. Trong năm 2024 sẽ hoàn thành quyết toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	342.334.607.442	329.789.860.002	-3,66%
2. Doanh thu thuần	7.595.168.032	30.385.543.195	300,06%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.450.600.517)	(12.944.233.730)	190,84%
4. Lợi nhuận khác	(426.083.485)	(6.397.185.120)	1401,39%
5. Lợi nhuận trước thuế	(4.876.684.002)	(19.341.418.850)	296,61%
6. Lợi nhuận sau thuế	(4.876.684.002)	(19.341.418.850)	296,61%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,86	1,73	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	0,96	0,82	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Nợ ngắn hạn + Nợ dài hạn)/ Tổng tài sản	0,55	0,59	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu)	1,20	1,42	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,03	0,19	

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,02	0,09	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>((Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu) x 100%)</i>	(0,64)	(0,64)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,02)	(0,06)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,01)	(0,06)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,64)	(0,64)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần PXI đang lưu hành là: 30.000.000 cổ phần.
- Số cổ phần phổ thông là: 30.000.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 07/04/2023

Stt	Danh mục	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu		30.000.000	100,00%	3.294	12	3.282
1	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên)	15.300.000	51,00%	1	1	0
2	Cổ đông khác (Sở hữu dưới 5% cổ phiếu)	14.700.000	49,00%	3.293	11	3.282
	- Trong nước:	14.632.420	48,77%	3.275	11	3.264
	- Nước ngoài:	67.580	0,23%	18	0	18
3	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không tính toán, tuy nhiên được đánh giá ở mức thấp nhất.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Hạn chế tối đa và tiết kiệm trong sử dụng năng lượng phục vụ sản xuất kinh doanh

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: thấp hơn 1.000 tấn.
- b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Do loại hình ngành nghề kinh doanh nên vật liệu Công ty sử dụng không thể tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Trong năm 2023, Công ty đã sử dụng điện sản xuất của các Công ty điện lực của các tỉnh/thành phố với chi phí là: 222.611.367 đồng.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Trong năm 2023, Công ty đã sử dụng nước sản xuất của các Công ty cấp nước của các tỉnh/thành phố với chi phí là: 10.838.559 đồng.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Công ty chưa bị xử phạt vi phạm lần nào vì PVC-IC là đơn vị chuyên ngành xây lắp, tất cả vật liệu sử dụng chủ yếu có sẵn trên thị trường đã qua tái chế và thành phẩm. Do đó không ảnh hưởng đến các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng người lao động: Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2023: 27 người, trong đó: Bộ phận gián tiếp các phòng ban: 22 người, Các đội, CB kỹ thuật, CN: 05 người. Mức lương bình quân năm 2023 là 8,4 triệu đồng/người/tháng (bình quân người lao động).
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo cho đời sống của người lao động: Cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, trợ cấp đối với những người có hoàn cảnh khó

khẩn. Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm đối với tất cả người lao động. Chi trả trợ cấp thôi việc chưa đầy đủ cho lao động nghỉ chế độ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Về sản lượng xây lắp thực hiện năm 2023: Giá trị sản lượng chỉ thực hiện tại Dự án Thái Bình 2 nhưng rất hạn chế, các công trình, dự án mới chưa có để thực hiện. Trong kế hoạch xây dựng giá trị SXKD năm 2023 gồm các Công trình dự án sau:

Stt	Tên công trình/Dự án	Giá trị ước thực hiện (Tỷ đồng)	Tình trạng đến nay
1	Hàng rào và hạ tầng kỹ thuật sân golf Mỹ Sơn – Bình Thuận 182 ha	16,50	Chủ đầu tư dừng dự án
2	Cụm công nghiệp và khu dân cư Phú Mỹ - Tiền Giang 75 ha	22,00	Chủ đầu tư dừng dự án

Tuy nhiên trong năm 2023 các công trình này đã không triển khai thực hiện được do Chủ đầu tư tạm dừng dự án. Do vậy, Giá trị SXKD năm 2023 từ hoạt động xây lắp chủ yếu từ phần việc còn lại tại Dự án Thái Bình 2 là khoảng 2,0 tỷ đồng; Ghi nhận lại giá trị sản lượng từ dự án Viện Dầu khí giai đoạn 1 là 25,23 tỷ đồng do công tác điều chuyển Công ty nhận lại từ Tổng thầu EPC và một phần cho thuê máy móc, thiết bị... Tỷ lệ đạt 66,87% kế hoạch năm.

- Về doanh thu: Từ giá trị sản lượng thực hiện năm 2023 dẫn đến, tổng doanh thu năm 2023 cũng thu được từ hoạt động xây lắp tại Dự án Thái Bình 2, Viện Dầu khí GD1 và cho thuê máy móc, thiết bị, khai thác tài sản ...với giá trị đạt 80,41% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: Với hai chỉ tiêu sản lượng và doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty đều không hoàn thành chỉ tiêu, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế âm 19,34 tỷ đồng. Do phát sinh các yếu tố sau:
 - + Dự án - TTPT thí nghiệm & văn phòng VDK GD 1 lỗ 2,96 tỷ đồng (Giảm khối lượng Quyết toán).

- + Khoản tiền bị phạt do vi phạm tiến độ hợp đồng VDK (Giai đoạn 1): 2,65 tỷ đồng
- + Lỗ do TLHĐ số 21 với DOBC: 7,81 tỷ đồng (HĐKT không thực hiện được phải hoàn khoản lợi nhuận đã ghi nhận của năm 2016).
- + Trích lập dự phòng phải thu khó đòi 5,92 tỷ đồng (trong đó: Dự phòng phải thu tiền tạm ứng hợp đồng VDK với PVC-SG là 3,71 tỷ đồng).

Như vậy, các yếu tố phát sinh lỗ của năm 2023 đều thuộc các giai đoạn và năm tài chính trước đây.

Điều đó cho thấy khoản chi phí thường xuyên để quản lý điều hành Công ty năm 2023 đã không tăng và có chiều hướng giảm, các khoản thu từ hoạt động ngoài xây lắp của năm đủ để chi trả khoản chi phí này.

- Các khoản nộp ngân sách nhà nước: Theo kế hoạch năm: 4,5 tỷ đồng; Thực hiện 5,48 tỷ đồng. Đạt 121,77% kế hoạch năm; Hiện nay Công ty vẫn còn nợ Thuế và tiền thuế đất 39 tỷ đồng nhưng chưa thu xếp được nguồn để nộp.
- Hoạt động đầu tư: Không thực hiện đầu tư mới, chỉ tiếp tục thực hiện hoàn thành thủ tục quyết toán vốn các dự án đã triển khai.
- Thu nhập bình quân: Theo kế hoạch năm là 9,3 triệu đồng/người/tháng.
- + Bình quân toàn Công ty: Thực hiện 9,3 triệu đồng/người/tháng.
- + Bình quân người lao động: Thực hiện 8,4 triệu đồng/người/tháng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Năm 2023 so với năm 2022 tổng tài sản giảm 12.346.452.907 đồng, tương ứng giảm 3,61%; Nợ phải thu quá hạn không thu được nên ảnh hưởng đến tình hình thanh toán nợ phải trả.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Đến ngày 31/12/2023 nợ phải trả là 193.694.754.631 đồng. Trong đó:
 - + Nợ ngắn hạn: 181.089.051.071 đồng.
 - + Nợ dài hạn: 12.605.703.560 đồng

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Sau khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 để kiện toàn nhân sự trong Công ty. Ban lãnh đạo công ty đã lập tức thực hiện các biện pháp nhằm kiện toàn bộ máy nhân sự phòng ban trong Công ty. Tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với cơ chế SXKD của Công ty. Bố trí cán bộ

chuyên môn phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường. Ban giám đốc đã trình Hội đồng quản trị phương án thay đổi và phương án Tái cấu trúc định biên các phòng nghiệp vụ liên quan.

- HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban giám đốc kiểm tra rà soát lại các quy chế nội bộ để điều chỉnh/bổ sung cho phù hợp với tình hình SXKD hiện tại, đồng thời tập trung tái cơ cấu các khoản nợ, lập kế hoạch thu hồi công nợ để thu hồi vốn phục vụ SXKD cho năm 2024.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Ban giám đốc tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo cùng với sự nỗ lực cố gắng và năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các phòng ban chuyên môn, sự cố gắng của toàn thể CBCNV Công ty tiếp tục củng cố và khẳng định lại vị thế của Công ty trên thị trường, kiểm soát và điều hành tốt các hoạt động SXKD, cụ thể:

4.1. Công tác tổ chức quản lý

- Xây dựng và hoạch định chiến lược Công ty từ nay cho đến năm 2030;
- Thực hiện tốt công tác kế hoạch thường kỳ và năm 2024;
- Thúc đẩy đầu tư nghiên cứu ứng dụng tiến bộ, công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại trong sản xuất .
- Đào tạo, tuyển dụng bổ sung nâng cao năng lực quản trị, điều hành;
- Phát huy giá trị cốt lõi Công ty: Sáng tạo – Tốc độ - Tin cậy tạo động lực phát triển và thu được nhiều thành công trong mọi hoạt động SXKD;
- Năm 2023, nhân sự bộ máy lãnh đạo, quản lý trong Công ty tiếp tục được bổ sung, sắp xếp và kiện toàn , đáp ứng cơ bản các yêu cầu nhiệm vụ SXKD;
- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại mô hình tổ chức, mở rộng ngành nghề kinh doanh;
- Công tác tuyển dụng, đào tạo được chú trọng nhằm hướng tới chất lượng nguồn nhân lực;
- Đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm một số chức danh quản lý tại các phòng/ban;
- Tiếp tục sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty nhằm bổ sung hoàn thiện cho quy trình quản lý hệ thống.

4.2. Đảm bảo việc làm, thu nhập và các chính sách đối với người lao động

- Song song với việc phát triển SXKD, Công ty luôn tập trung chú trọng đáp ứng điều kiện, môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động trong Công ty.
- Thu nhập của người lao động ổn định trong giai đoạn này đồng thời sẽ phấn đấu tiếp tục tăng trong tương lai. Các khoản thu nhập và bảo hiểm được chi trả kịp thời cho người lao động theo cam kết của Hợp đồng lao động.
- Các chế độ chính sách được cập nhật/điều chỉnh kịp thời.

4.3. Công tác kế hoạch, thị trường

- Công tác xây dựng kế hoạch, triển khai kế hoạch SXKD sát thực và đạt kết quả cao. Hệ thống báo cáo, phân tích chính xác kịp thời, giúp việc điều hành, triển khai kế hoạch hàng kỳ đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Công tác kế hoạch được thực hiện chuyên nghiệp hơn, luôn có sự cập nhật, điều chỉnh thường xuyên, bám sát hoạt động SXKD; Công tác báo cáo chính xác, phản ánh đúng về hoạt động SXKD của Công ty.
- Chú trọng công tác kiểm soát, quản lý hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư, với khách hàng, hồ sơ thanh quyết toán với chủ đầu tư;
- Xây dựng/điều chỉnh quy trình thanh quyết toán nội bộ đối với nhà thầu phụ kịp thời phù hợp với việc hạch toán và xây dựng kế hoạch tài chính hàng kỳ; Công tác thanh quyết toán nội bộ, thanh quyết toán cho các nhà thầu phụ được thực hiện kịp thời, phản ánh chính xác chi phí thực tế, phát sinh trong kỳ phục vụ hạch toán kế toán;
- Tiếp tục định hướng tập trung các công trình/dự án phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty. Mở rộng thị trường trong toàn khu vực và phạm vi cả nước;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 ngày 20/03/2024, Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ gồm:

- 5.1. Trong số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2023 của Công ty bao gồm giá trị dở dang của dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá trị là 32,99 tỷ đồng (Thuyết minh số 09). Dự án này đã hoàn thành và đi vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa quyết toán dự án.
- 5.2. Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC - PT) theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-BQLDA.ĐT ngày 08/03/2023. Lô đất này đã bị thu hồi theo Quyết định số 3339/QĐ - UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, Công ty chưa bàn giao lại lô đất cho địa phương và vẫn ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 đối với tài sản trên khu đất (nhà cửa, vật kiến trúc) theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển giao tài sản sang cho PVC-PT (ngày 30/12/2016) với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế cùng là 1.794.984.000 đồng (Thuyết minh số 10).
- 5.3. Đồng thời, Công ty cũng đã ghi nhận khoản tiền phạt, bồi thường 1,5 tỷ đồng vào chỉ tiêu Thu nhập khác (Thuyết minh số 24) và ghi nhận vào chỉ tiêu Chi phí khác số tiền 7,82 tỷ đồng (là số tiền mà Công ty đã ghi nhận thu nhập khác về thanh lý tài sản khi ký hợp đồng chuyển nhượng năm 2016) (Thuyết minh số 25).
- 5.4. Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp

tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ đồng (Thuyết minh 7) đã hoàn thành từ năm 2019.

5.5. Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tới Báo cáo tài chính kèm theo.

5.6. Ngoài ra, Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 của các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,46 tỷ đồng và 4,26 tỷ đồng; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 30,19 tỷ đồng và 29,28 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ chưa được xác nhận này.

➤ **Giải trình của Ban Giám đốc:** Xem nội dung giải trình tại văn bản số 107/CNDD-TCKT ngày 20/03/2024 đính kèm.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

Việc đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường của Công ty được dựa theo 04 tiêu chí sau đây:

- Bảo vệ chất lượng môi trường sống: Thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường; khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, Công ty đạt mức trung bình khá.
- Bảo vệ sức sống hệ sinh thái: Thực hiện bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển rừng, Công ty đạt mức trung bình.
- Bảo vệ hệ thống khí hậu: Thực hiện sử dụng năng lượng tái tạo, hạn chế tối đa sử dụng nhiên liệu, năng lượng trong sản xuất, Công ty đạt mức trung bình
- Năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ môi trường; đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí bộ phận, nhân lực quản lý về bảo vệ môi trường; thường xuyên làm việc với cơ quan quản lý địa phương về môi trường để phối hợp thực hiện các yêu cầu.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo cho đời sống của người lao động: Cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, trợ cấp đối với những người có hoàn cảnh khó khăn.
- Bên cạnh việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, Công ty đã xây dựng quy chế về bảo hộ lao động, hướng dẫn và áp dụng thống nhất quy chế này trong toàn bộ đơn vị.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Ban Giám đốc Công ty luôn làm đúng trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn cho kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng làm ảnh hưởng rất lớn đến ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với Công ty, trong năm 2023 tất cả các chỉ số chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh đều không đạt, thực hiện với tỷ lệ rất thấp so với kế hoạch đề ra. Một số nguyên nhân khách quan như sau:

- Về giá trị sản lượng: Công trình/dự án trong năm kế hoạch đều không triển khai được do Chủ đầu tư tạm dừng và hoãn đầu tư dự án;
- Về lợi nhuận: Một số hợp đồng/Dự án thực hiện trước đây sau khi xác định giá trị quyết toán giảm rất nhiều so với dự kiến trước đây, dẫn đến lợi nhuận âm trong năm 2023. Ngoài ra, các khoản phát sinh nộp phạt do Công ty chưa nộp các khoản thuế trong năm ảnh hưởng một phần trong chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.

Từ 2 chỉ tiêu SXKD chính nói trên đã phản ánh rõ những khó khăn trong năm 2023 của Công ty, tuy nhiên bằng nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể Nhân viên Công ty trong khi vừa phải đối mặt với những khó khăn vĩ mô, vừa phải tìm các giải pháp tận dụng các thuận lợi và thế mạnh của mình trong tình hình thị trường với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Một số nhóm hoạt động đã được thực hiện có thể kể đến bao gồm:

- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, hoàn thành công tác thanh quyết toán các hợp đồng với chủ đầu tư, đối tác để phục vụ công tác hạch toán tài chính một cách chính xác nhất;
- Tập trung hoàn thành công tác đầu tư tại dự án Khu phức hợp văn phòng, dịch vụ và căn hộ tại số 33A đường 30/4 phường 9 thành phố Vũng Tàu để quyết toán vốn đầu tư và đánh giá hiệu quả đầu tư. Theo kế hoạch sẽ hoàn thành trong Quý 2 năm 2024;
- Cơ cấu lại các khoản nợ khách hàng, đàm phán với khách hàng để giảm nợ.
- Cơ cấu lại các phòng ban chức năng nghiệp vụ trong Công ty để phù hợp với mô hình, cơ cấu hoạt động và kế hoạch SXKD năm 2024.
- Thực hiện phương án thoái vốn góp tại các doanh nghiệp khác.
- Trả lương, thưởng, chế độ và đóng Bảo hiểm đầy đủ cho người lao động trong Công ty.
- Khai thác tối đa tài sản trong Công ty bằng việc cho khách hàng thuê nhằm tạo nguồn thu.
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược hoạt động an toàn, phòng ngừa rủi ro từ xa.

Về thực hiện trách nhiệm môi trường và xã hội: Cơ bản Ban giám đốc đã thực hiện tốt trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. cụ thể, trong năm 2023 Công ty không bị xử phạt vi phạm lần nào vì PVC-IC là đơn vị chuyên ngành xây lắp, tất cả vật liệu sử dụng chủ yếu có sẵn trên thị trường đã qua tái chế và thành phẩm. Do đó không ảnh hưởng đến các quy định về môi trường. Đối với trách nhiệm xã hội Công ty đã kê khai đầy đủ các khoản thuế/phí phải nộp cho Cơ quan quản lý nhà nước, đóng góp đầy đủ các khoản hỗ trợ an sinh xã hội, đặc biệt là các chế độ chính sách đối với người lao động. Mặt hạn chế năm 2023 là Công ty chưa nộp đủ số tiền thuế/phí do hiện đang khó khăn về tài chính.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Để duy trì ổn định bộ máy quản lý điều hành Công ty đối với năm 2023, Ban giám đốc đã thực hiện được một số nội dung cơ bản nhằm dẫn ổn định doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn của năm 2022, mặc dù kết quả kinh doanh không đạt mục tiêu kế hoạch, không thể không kể đến sự đóng góp của Ban Giám đốc, các thành viên trong Ban Lãnh đạo và toàn thể Cán bộ, Nhân viên của Công ty. HĐQT đánh giá cao hoạt động điều hành của Ban Giám đốc năm vừa qua.

Trong điều hành sản xuất, Ban Giám đốc cũng thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT về các vấn đề phát sinh, thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. Có những ý kiến đề xuất để thực hiện nhiệm vụ SXKD thực tế, khoa học sát với tình hình của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Kết quả kinh doanh năm 2023 như đã trình bày ở phần trên là một thách thức lớn cho Công ty khi xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2024. Tuy nhiên, kết quả này cũng cho thấy với sự nỗ lực của tập thể và việc tận dụng các thế mạnh của Công ty, tận dụng các cơ hội từ thị trường, Công ty có thể đạt được các thành tựu cao hơn nữa trong năm 2024 và các năm tiếp theo. HĐQT Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2024 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

- Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn;
- Tăng cường công tác tiếp thị công trình/dự án phù hợp với ngành nghề SXKD để ký hợp đồng thực hiện; Mở rộng ngành nghề kinh doanh để tăng doanh thu và lợi nhuận;
- Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn của Cổ đông và nguồn vốn vay khác nếu có; Đổi mới cách quản lý, giám sát nhằm gia tăng cạnh tranh, tạo tối đa lợi nhuận cho Công ty.
- Sẵn sàng hệ thống, quy trình, con người, nguồn vốn để có thể nhanh chóng triển khai các sản phẩm mới, các dự án/công trình mới trong năm 2024.
- Tiếp tục duy trì hoạt động của Công ty một cách an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch thông tin với các Bên liên quan.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	TV HĐQT; Chủ tịch HĐQT	8.000.000 cổ phần (26,67%)	TGD Công ty cổ phần Tập đoàn T.N
2	Bà Lê Thị Thu Huyền	TV HĐQT	7.300.000 cổ phần (24,33%)	Chuyên viên Ban Kinh tế Thương mại TCT PetroCons
3	Ông Trần Sỹ Huân	TV HĐQT độc lập	0%	Trưởng phòng quản lý giao diện Công ty POSCO E&C – gói thầu A2 tổ hợp hóa dầu miền nam

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- + Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát Ban giám đốc để triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản chỉ đạo đã đề ra;
- + Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp mở rộng có Ban giám đốc tham gia;
- + Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các văn bản báo cáo của Ban giám đốc gửi Hội đồng quản trị;
- + Hội đồng quản trị phối hợp cùng với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát với hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của Công ty.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2023:

Stt	Nội dung cuộc họp	Thời gian tổ chức	Kết quả	Ghi chú
1	Họp HĐQT thường kỳ - kỳ 1/2023 “Triển khai kế hoạch SXKD năm 2023; Thông qua chương trình ĐHCĐ năm 2023 và dự thảo hồ sơ Đại hội”	03/04/2023	Thông qua	
2	Biên bản họp HĐQT thường kỳ - kỳ 2/2023 “Phân công nhiệm vụ TV HĐQT; Công tác SXKD trọng tâm và kế hoạch nhiệm vụ tháng 05/2023”	10/05/2023	Thông qua	

Stt	Nội dung cuộc họp	Thời gian tổ chức	Kết quả	Ghi chú
3	Họp HĐQT thường kỳ - tháng 6/2023 “Kiểm điểm công tác SXKD theo Nghị quyết số 79/NQ-CNDD/HĐQT và triển khai kế hoạch nhiệm vụ tháng 06/2023	15/06/2023	Thông qua	
4	Họp HĐQT thường kỳ - Tháng 7/2023 “Kiểm điểm rà soát các nội dung tồn tại của Biên bản số 09/BB-TCT366; Kiểm điểm công việc trọng tâm tại kết luận giao ban HĐQT”	19/07/2023	Thông qua	
5	Thông qua Tờ trình số 785/TTr - CNDD ngày 08/9/2023 về việc mở tài khoản tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân (NCB)	08/09/2023	Thông qua	
6	Họp HĐQT thường kỳ - Tháng 9/2023 “Đánh giá kết quả SXKD tháng 8/2023 và triển khai kế hoạch SXKD các tháng còn lại của năm 2023; Kiểm điểm công tác xử lý nợ và triển khai kế hoạch thực hiện xử lý thu hồi nợ. Xem xét báo cáo số 780/CNDD-TCKT ngày 05/09/2023 về kế hoạch thu, chi tiền VKD và Triển khai kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty”	13/09/2023	Thông qua	

- Các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị trong năm 2023:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	NGHỊ QUYẾT			
1	01/NQ-CNDD/HĐQT	06/01/2023	V/v xếp Lương chức danh cho Chủ tịch HĐQT và Giám đốc PVC-IC	100%
2	06/NQ-CNDD/HĐQT	14/02/2023	Chấp thuận cơ cấu, sắp xếp lại phòng/ban Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	100%
3	13/NQ-CNDD/HĐQT	23/02/2023	V/v chấp thuận chủ trương về việc thuê lại một phần diện tích của đất 8.070,6m ²	100%
4	20/NQ-CNDD/HĐQT	02/03/2023	V/v chấp thuận chủ trương về phương án thanh lý hợp đồng dịch vụ số 21/2016/HĐDV - CNDD-BQLDA.ĐT	100%
5	23/NQ-CNDD/HĐQT	17/03/2023	V/v kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm	100%

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			2023 của Công ty PVC-IC	
6	27/NQ-CNDD/HĐQT	23/03/2023	V/v chấp thuận gia hạn bảo lãnh thực hiện HĐ và gia hạn sửa đổi bảo lãnh tạm ứng HĐ số 21/2014/HĐKT-PVCIC ngày 15/4/2014	100%
7	38/NQ-CNDD/HĐQT	07/04/2023	V/v Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cho Ban điều hành Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	100%
8	39/NQ-CNDD/HĐQT	10/04/2023	V/v Chương trình và nội dung dự thảo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	100%
9	43/NQ-CNDD/HĐQT	13/04/2023	V/v giới thiệu nhân sự bầu làm thành viên BKS Công ty PVC-IC	100%
10	48/NQ-CNDD/HĐQT	20/04/2023	V/v thanh lý công cụ, dụng cụ	100%
11	51/NQ-CNDD/HĐQT	22/04/2023	V/v Thông qua chương trình và Hồ sơ ĐHCĐ thường niên 2023 Công ty PVC-IC	100%
12	65/NQ-CNDD/HĐQT	25/04/2023	V/v Bổ sung Chương trình và Hồ sơ ĐHCĐ thường niên năm 2023 của PVC-IC	100%
13	79/NQ-CNDD/HĐQT	11/05/2023	V/v thông qua Công tác SXKD trọng tâm và kế hoạch nhiệm vụ SXKD tháng 5/2023 của Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	100%
14	86/NQ-CNDD/HĐQT	12/06/2023	V/v chấp thuận gia hạn bảo lãnh thực hiện HĐ và gia hạn, sửa đổi bảo lãnh tạm ứng HĐ số 21/2014/HĐKT/PVC-PVCIC ngày 15/4/2014	100%
15	87/NQ-CNDD/HĐQT	12/06/2023	V/v chấp thuận gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, HĐ số XD02/2016/SH1-PVC-PVCIC ngày 25/4/2016	100%
16	91/NQ-CNDD/HĐQT	19/06/2023	V/v Thông qua Công tác SXKD trọng tâm và kế hoạch nhiệm vụ SXKD tháng 6/2023 của Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	100%
17	93/NQ-CNDD/HĐQT	28/06/2023	V/v Thông qua lựa chọn đơn vị tư vấn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty	100%

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	
18	105/NQ-CNDD/HĐQT	10/08/2023	V/v Thông qua thanh lý thiết bị và container tại NMNĐ Thái Bình 2 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	100%
19	119/NQ-CNDD/HĐQT	08/12/2023	V/v Chấp thuận gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, HĐ số XD02/2016/SH1-PVC-PVIC ngày 25/4/2016	100%
20	121/NQ-CNDD/HĐQT	15/01/2023	V/v Chấp thuận gia hạn BL thực hiện hợp đồng và gia hạn, sửa đổi bảo lãnh tạm ứng HĐ số 21/2014/HĐKT/PVC-PVIC ngày 15/4/2014	100%
II	QUYẾT ĐỊNH			
1	02/QĐ-CNDD/HĐQT	06/01/2023	V/v xếp Lương Ông Ngô Bùi Ngọc- Chủ tịch HĐQT PVC-IC	100%
2	03/QĐ-CNDD/HĐQT	06/01/2023	V/v xếp lương Ông Lê Minh Hải- GĐ PVC-IC	100%
3	07/QĐ-CNDD/HĐQT	14/02/2023	V/v Giải thể phòng Tài chính-Tổng hợp và Ban quản lý dự án Đầu tư thuộc Công ty PVC-IC	100%
4	08/QĐ-CNDD/HĐQT	14/02/2023	V/v thành lập Phòng Tổ chức-Hành chính thuộc Công ty PVC-IC	100%
5	09/QĐ-CNDD/HĐQT	14/02/2023	V/v thành lập Phòng Tài chính-Kế toán thuộc Công ty PVC-IC	100%
6	10/QĐ-CNDD/HĐQT	14/02/2023	V/v bổ sung chức năng, nhiệm vụ và đổi tên Phòng cơ điện thành Phòng Cơ điện - Dự án thuộc Công ty PVC-IC	100%
7	19/QĐ-CNDD/HĐQT	02/03/2023	V/v Phê duyệt và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty PVC-IC	100%
8	21/QĐ-CNDD/HĐQT	02/03/2023	V/v phê duyệt và ban hành "Quy chế về công tác văn thư của Công ty PVC-IC"	100%
9	30/QĐ-CNDD/HĐQT	28/03/2023	V/v thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023 của PVC-IC	100%
10	31/QĐ-CNDD/HĐQT	28/03/2023	V/v thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2023 của PVC-IC	100%
11	78/QĐ-CNDD/HĐQT	11/05/2023	V/v phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	100%
12	90/QĐ-	16/06/2023	V/v bổ sung hệ số chức danh	100%

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	CNDD/HĐQT		Thành viên BKS chuyên trách của Công ty CP XD CN & DD Dầu khí	

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT theo các hình thức trực tiếp, trực tuyến và trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu từ HĐQT.
 - Hoạt động của các tiểu ban: Công ty chưa có các tiểu ban.
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
1	Ông Ngô Bùi Ngọc	- Thành viên HĐQT - Chủ tịch HĐQT	Có	Có
2	Bà Lê Thị Thu Huyền	- Thành viên HĐQT	Có	Có
3	Ông Trần Sỹ Huân	- Thành viên HĐQT độc lập	Có	-

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Ngô Thị Thu Hoài	TV BKS; Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách	0	Phó trưởng Ban TCKT, Kiểm toán TCT PetroCons
2	Phan Văn Hùng	Thành viên BKS	0	
3	Ngô Trúc Vy	Thành viên BKS không chuyên trách	0	

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán.

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm soát theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của PVC-IC, cũng như tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

- Thực hiện việc giám sát hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đối với Hội đồng quản trị và ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh; Đã thực hiện Giám sát tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo thường xuyên, định kỳ và các vấn đề phát sinh thuộc trách nhiệm giám sát của Ban kiểm soát.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-CNDD-DHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí:
- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp liên tịch giữa HĐQT, Ban Giám đốc Công ty và các cuộc họp theo thẩm quyền phục vụ cho công tác giám sát/kiểm soát của Ban kiểm soát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty. Ban kiểm soát luôn cử ít nhất 2 thành viên Ban kiểm soát tham dự nhằm tăng cường chất lượng giám sát của Ban kiểm soát. Tại các cuộc họp, các thành viên Ban kiểm soát luôn tham gia ý kiến trực tiếp nhằm kịp thời chấn chỉnh hoặc thúc đẩy công tác quản lý, quản trị của Công ty để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch kiểm soát mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Ngoài ra, Ban kiểm soát đã có các văn bản gửi HĐQT, Giám đốc Công ty để có ý kiến cần thiết theo chức năng nhiệm vụ.
- Xem xét, đối chiếu rà soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty định kỳ hàng quý; năm. Tiến hành xem xét, thẩm định các chỉ tiêu tài chính tại báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm 2023 của Công ty; các báo cáo hàng quý của Ban giám đốc và trong các báo cáo của Ban kiểm soát đều có kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2023:

TT	Số hiệu biên bản	Thời gian	Nội dung chính	Ghi chú
1	02/BB-CNDD-BKS	23/03/2023	Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023	
2	03/BB-CNDD-BKS	27/03/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023	
3	05/BB-CNDD-BKS	28/4/2023	Bầu Trưởng ban kiểm soát	
4	06/BB-CNDD-BKS	09/5/2023	Phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát	
5	09/BB-CNDD-BKS	21/7/2023	Kiến nghị tình hình thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2023	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a1) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác của HĐQT:

Tổng chi trả thù lao và tiền lương Hội đồng quản trị từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 là **351.021.200** đồng. Cụ thể như sau:

- (1) Ông Ngô Bùi Ngọc -Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty (Tiền lương): 267.021.200 đồng
- (2) Ông Trần Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT (Thù lao): 14.000.000 đồng
- (3) Bà Lê Thị Thu Huyền – TV HĐQT (Thù lao): 28.000.000 đồng
- (4) Ông Trần Sỹ Huấn - Thành viên HĐQT độc lập Công ty (Thù lao): 42.000.000 đồng

Chi phí và lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT: Năm 2023 Công ty đã chi cho Hội đồng quản trị với số tiền chi trong năm là: 34.540.670 đồng. Cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chi phí (đồng)		Ghi chú
		Công tác phí	Chi phí khác	
1	Ông Ngô Bùi Ngọc -Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT	19.165.370	10.288.300	
2	Ông Trần Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT	0	0	
3	Bà Lê Thị Thu Huyền – TV HĐQT	5.087.000	0	
4	Ông Trần Sỹ Huấn - Thành viên HĐQT độc lập	0	0	

a2) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác của Ban kiểm soát:

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2023 với tổng chi phí là **197.805.136** đồng, cụ thể :

ĐVT: Đồng

TT	Các thành viên BKS	Chức danh	Tiền lương, thù lao 2023	Ghi chú
1	Trần Thị Thành Huế	Trưởng ban (tiền lương)	55.230.000	Từ 1/1/2023 đến 28/04/2023
2	Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên (thù lao)	6.000.000	Từ 1/1/2023 đến 28/04/2023
		Trưởng ban (thù lao)	27.000.000	Từ 28/04/2023 đến 31/12/2023
3	Ngô Trúc Vy	Thành viên (thù lao)	24.000.000	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
4	Phan Văn Hùng	Thành viên (tiền lương)	85.575.136	Từ 28/04/2023 đến 31/12/2023
	Tổng cộng		197.805.136	

Chi phí và lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Thành viên Ban kiểm soát: Năm 2023 Công ty đã chi cho Ban kiểm soát với số tiền chi trong năm là: 5.087.000 đồng. Cụ

thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chi phí (đồng)		Ghi chú
		Công tác phí	Chi phí khác	
1	Bà Trần Thị Thành Huế - TB Kiểm soát	0	0	
2	Bà Ngô Thị Thu Hoài – TB Kiểm soát	5.087.000	0	
3	Bà Ngô Trúc Vy – TV Ban kiểm soát	0	0	
4	Ông Phan Văn Hùng – TV Ban kiểm soát	0	0	

a3) Tiền lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích khác của Ban Giám đốc:

Tiền lương của Ban giám đốc năm 2023 với tổng chi phí là **197.805.136** đồng, cụ thể :

- (1) Ông Lê Minh Hải – Giám đốc (Tiền lương): **267.021.200** đồng
- (2) Ông Nguyễn Văn Hoàn – Phó Giám đốc Công ty (Tiền lương): **226.166.636** đồng
- (3) Ông Phạm Mạnh Cường – Phó Giám đốc Công ty (Tiền lương): **227.591.727** đồng
- (4) Ông Lê Ngọc Hoàng – Kế toán trưởng (Tiền lương): **207.002.727** đồng

Chi phí và lợi ích khác của Ban giám đốc và từng thành viên Ban giám đốc: Năm 2023 Công ty đã chi cho Ban giám đốc với số tiền chi trong năm là: 130.349.164 đồng. Cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chi phí (đồng)		Ghi chú
		Công tác phí	Chi phí khác	
1	Ông Lê Minh Hải – Giám đốc	40.734.970	32.938.200	
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn – Phó Giám đốc	0	27.531.155	
3	Ông Phạm Mạnh Cường – Phó Giám đốc	16.052.500	0	
4	Ông Lê Ngọc Hoàng – Kế toán trưởng	1.830.000	11.262.339	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

- Ngày 26/05/2023 Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài –Trưởng Ban kiểm soát Công ty đăng ký bán 10.000 cổ phiếu, thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 01/06/2023 đến ngày 01/07/2023.
- Ngày 06/06/2023 Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ bà Ngô Thị Thu Hoài – Trưởng Ban kiểm soát Công ty đã bán 10.000 cổ phiếu lý do thu hồi vốn đầu tư, thời gian thực hiện giao dịch

01/06/2023 đến ngày 06/06/2023.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu	
1	Ngô Thị Thu Hoài	Trưởng ban kiểm soát Công ty	10.000	0,033%	0	0%	Bán thu hồi vốn đầu tư

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Các giao dịch trong năm 2023 với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ giữ 51% vốn điều lệ) gồm:
 - + Giao dịch thanh toán số tiền là 10.286.125.026 đồng của Hợp đồng số 21/2014/HĐKT/PVC-PVC.IC ngày 15/04/2014 Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.
 - + Giao dịch thanh toán số tiền là 38.988.976.168 đồng của Hợp đồng 101/HĐXD/PVC-PVC-IC/2013 ngày 31/05/2013 Dự án TTPT Thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại TP HCM;
- Các giao dịch trong năm 2023 với người có liên quan đến người nội bộ:
 - + Trong năm 2023, giao dịch hợp đồng số 01A/2003/CNDD-TCHC ký ngày 04/01/2023 về việc mượn phương tiện vận tải giữa Công ty với Bà Trần Thị Hào là chủ xe ô tô là mẹ vợ ông Lê Minh Hải – Giám đốc Công ty. Giao dịch hợp đồng là 0 đồng (không đồng). Chi phí Công ty chi trả để hoạt động phương tiện trong năm là: 51,2 triệu đồng (Bao gồm chi phí xăng, dầu, phí, lệ phí, sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế vật tư).

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty, HĐQT Công ty đã bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác điều hành.
- Công ty chưa thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ do quy mô và cơ cấu hoạt động. Thời gian tới nếu Công ty phát triển thêm ngành nghề, mở rộng kinh doanh sẽ cơ cấu tổ chức thêm các tiểu ban, trong đó có tiểu ban kiểm toán nội bộ nhằm tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: (Ghi tại trang 5 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán).

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh

doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC ngày 20/03/2024 và văn bản giải trình số 107/CNDD-TCKT ngày 30/03/2024 về giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS (e-copy)
- Ban Giám đốc (e-copy)
- Phòng TC-KT (e-copy)
- Lưu VT; HĐQT; Người PTQT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

CHỦ TỊCH HĐQT



NGÔ BÙI NGỌC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)

2023
* S.S.T.P.N.C *

* M.S.V *

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại số 35D, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bùi Ngọc	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Thu Huyền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông Trần Sỹ Huấn	Thành viên độc lập	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Minh Hải (Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thị Thu Hoài	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Bà Trần Thị Thành Huệ	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)
Bà Ngô Thị Trúc Vy	Thành viên	
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (kể từ nay) dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phạm Văn Bình Giám đốc *WM*

Lê Minh Hải
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

JB
VG
CA
CÔ
N
JH
TH
TT
VG
CÔ
KH
A
TH



Số: 200324.010/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được lập ngày 18 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2023 của Công ty bao gồm giá trị dở dang của dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 09). Dự án này đã hoàn thành và đi vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa quyết toán dự án.

Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC - PT) theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-BQLDA.ĐT ngày 08/03/2023. Lô đất này đã bị thu hồi theo Quyết định số 3339/QĐ - UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, Công ty chưa bàn giao lại lô đất cho địa phương và vẫn ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 đối với tài sản trên khu đất (nhà cửa, vật kiến trúc) theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển giao tài sản sang cho PVC-PT (ngày 30/12/2016) với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế cùng là 1.794.984.000 VND (Thuyết minh số 10).

12/1
13/1
14/1
15/1
16/1
17/1
18/1
19/1
20/1
21/1
22/1
23/1
24/1
25/1
26/1
27/1
28/1
29/1
30/1
31/1
32/1
33/1
34/1
35/1
36/1
37/1
38/1
39/1
40/1
41/1
42/1
43/1
44/1
45/1
46/1
47/1
48/1
49/1
50/1
51/1
52/1
53/1
54/1
55/1
56/1
57/1
58/1
59/1
60/1
61/1
62/1
63/1
64/1
65/1
66/1
67/1
68/1
69/1
70/1
71/1
72/1
73/1
74/1
75/1
76/1
77/1
78/1
79/1
80/1
81/1
82/1
83/1
84/1
85/1
86/1
87/1
88/1
89/1
90/1
91/1
92/1
93/1
94/1
95/1
96/1
97/1
98/1
99/1
100/1

Đồng thời, Công ty cũng đã ghi nhận khoản tiền phạt, bồi thường 1,5 tỷ VND vào chỉ tiêu Thu nhập khác (Thuyết minh số 24) và ghi nhận vào chỉ tiêu Chi phí khác số tiền 7,82 tỷ VND (là số tiền mà Công ty đã ghi nhận thu nhập khác về thanh lý tài sản khi ký hợp đồng chuyển nhượng năm 2016) (Thuyết minh số 25).

Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 7) đã hoàn thành từ năm 2019.

Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tới Báo cáo tài chính kèm theo.

Ngoài ra, Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 của các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,46 tỷ VND và 4,26 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 30,19 tỷ VND và 29,28 tỷ VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ chưa được xác nhận này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại Thuyết minh số 29 của Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang trình bày một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Công ty.

Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh:

- Tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2023 (mã số 421) là 178,42 tỷ VND, tương đương 59% vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411), trong đó số lỗ trong năm 2023 là 19,34 tỷ VND;
- Nợ phải thu khách hàng (mã số 131) là 135,44 tỷ VND, lớn gấp 4,46 lần doanh thu trong năm;
- Nợ phải trả (mã số 300) lớn gấp 1,42 lần vốn chủ sở hữu (mã số 400);
- Nợ quá hạn chưa thanh toán là 38,84 tỷ VND; nợ thuế quá hạn chưa thanh toán là 38,93 tỷ VND.

Những sự kiện này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Các vấn đề nhấn mạnh nêu trên không thay đổi đến cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 03 năm 2023.



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		313.752.073.997	324.132.242.270
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.007.476.750	46.853.765.878
111	1. Tiền		5.007.476.750	1.537.765.878
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	45.316.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	45.316.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		45.316.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		96.778.965.180	121.224.096.855
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	135.437.205.402	173.830.354.247
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.238.956.556	2.167.322.590
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	31.024.057.496	11.230.872.340
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(71.921.254.274)	(66.004.452.322)
140	IV. Hàng tồn kho	9	164.653.437.621	156.054.379.537
141	1. Hàng tồn kho		164.934.923.051	156.054.379.537
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(281.485.430)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.996.194.446	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.996.194.446	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.037.686.005	18.202.365.172
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.897.200.000	12.897.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	12.897.200.000	12.897.200.000
220	II. Tài sản cố định		1.372.784.199	3.527.185.555
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.372.784.199	3.527.185.555
222	- Nguyên giá		63.962.594.246	62.847.710.246
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.589.810.047)	(59.320.524.691)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.767.701.806	1.777.979.617
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.940.000.000	2.940.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.172.298.194)	(1.162.020.383)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		329.789.760.002	342.334.607.442



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã	Thuyết	VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	193.694.754.631	186.898.183.221
310	I. Nợ ngắn hạn	181.089.051.071	174.260.936.637
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11 72.298.491.825	77.422.062.325
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12 19.406.792.209	18.573.185.405
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13 39.217.706.725	42.797.752.128
314	4. Phải trả người lao động	286.327.819	663.794.194
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14 23.386.723.586	1.009.148.994
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15 26.285.960.913	33.249.295.597
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16 200.000.000	500.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.047.994	45.697.994
330	II. Nợ dài hạn	12.605.703.560	12.637.246.584
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	17 12.605.703.560	12.637.246.584
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	136.095.005.371	155.436.424.221
410	I. Vốn chủ sở hữu	18 136.095.005.371	155.436.424.221
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	300.000.000.000	300.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	14.519.193.263	14.519.193.263
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(178.424.187.892)	(159.082.769.042)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(159.082.769.042)	(154.206.086.471)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	(19.341.418.850)	(4.876.682.571)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	29.789.760.002	342.334.607.442

Phan Thị Ngọc Diệp
 Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
 Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
 Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	30.385.543.195	7.595.168.032
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.385.543.195	7.595.168.032
11	3. Giá vốn hàng bán	20	31.357.515.888	4.933.656.830
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(971.972.693)	2.661.511.202
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.581.017.276	1.061.340.483
22	6. Chi phí tài chính	22	51.635.350	47.500.005
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		41.357.539	47.500.005
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	14.501.642.963	8.125.950.766
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.944.233.730)	(4.450.599.086)
31	9. Thu nhập khác	24	4.028.291.123	5.206.796.565
32	10. Chi phí khác	25	10.425.476.243	5.632.880.050
40	11. Lợi nhuận khác		(6.397.185.120)	(426.083.485)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(19.341.418.850)	(4.876.682.571)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(19.341.418.850)</u>	<u>(4.876.682.571)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(645)	(163)

Phan Thị Ngọc Diệp
 Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
 Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
 Giám đốc
 Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(19.341.418.850)	(4.876.682.571)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.154.401.356	2.731.147.320
03	- Các khoản dự phòng		6.177.022.169	(1.232.831.376)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.136.471.822)	(1.156.795.028)
06	- Chi phí lãi vay		41.357.539	47.500.005
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(14.105.109.608)	(4.487.661.650)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		17.383.906.104	17.690.332.749
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.880.543.514)	(8.105.633.210)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		12.395.053.142	(5.302.619.359)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.160.533)	(32.375.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.197.485.714)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.650.000)	(16.372.222)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.545.009.877	(254.328.692)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		555.454.546	95.454.545
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(45.316.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.729.246.449	1.061.340.483
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(43.031.299.005)	1.156.795.028
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(360.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(360.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(41.846.289.128)	902.466.336
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.853.765.878	45.951.299.542
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		5.007.476.750	46.853.765.878

Phan Thị Ngọc Diệp
 Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
 Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
 Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 35D, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng chẵn) tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 24 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 48 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng công trình

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê tài sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Doanh thu trong năm của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động xây dựng khi thực hiện quyết toán 5% giá trị còn lại giai đoạn 1 của dự án xây dựng công trình Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh giá trị là 24,91 tỷ VND. Dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm tăng mạnh là 22,79 tỷ VND. Tuy nhiên Dự án thi công xây lắp giai đoạn kết thúc bị lỗ do chi phí thi công thực tế vượt so với dự toán xây dựng ban đầu. Dẫn đến, tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu năm nay giảm mạnh so với năm trước.

Áp dụng giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2023 là 178,42 tỷ VND, tương ứng 59% vốn góp của chủ sở hữu trong đó số lỗ trong năm nay là 19,34 tỷ VND; Nợ phải thu khách hàng 135,44 tỷ VND (xem thuyết minh số 5), lớn gấp 4,46 lần doanh thu năm nay; Nợ quá hạn chưa thanh toán là 38,84 tỷ VND (xem thuyết minh số 11 và 14); nợ thuế quá hạn chưa thanh toán là 38,93 tỷ VND (xem thuyết minh số 13); nợ phải trả lớn gấp 1,42 lần vốn chủ sở hữu. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện một số hợp đồng lớn, đặc biệt tại dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 với tổng thầu EPC là Tổng Công ty và các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng kiot, máy móc thiết bị cho dự án trạm trộn bê tông. Mặt khác, Công ty cũng đang tích cực triển khai các biện pháp thu hồi công nợ cũng như đàm phán để gia hạn các khoản nợ phải trả đến hạn.

Với các giải pháp đang triển khai, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có nguồn tiền để thanh toán các nợ đến hạn trong ít nhất 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo đối như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Vay và nợ

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động cho thuê và xây lắp, chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	77.769.833	3.545.925
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.929.706.917	1.534.219.953
Các khoản tương đương tiền	-	45.316.000.000
	5.007.476.750	46.853.765.878

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	45.316.000.000	-	-	-
	45.316.000.000	-	-	-

(i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với giá trị 45.316.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất 4,7%/năm. Công ty không thể sử dụng được số tiền nêu trên với nguyên nhân "Ngân hàng OceanBank đang trong thời gian bị kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam".

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
- Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(1.172.298.194)	2.890.000.000	(1.162.020.383)
	2.940.000.000	(1.172.298.194)	2.940.000.000	(1.162.020.383)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	0,003%	0,003%	Sản xuất công nghiệp
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Đồng Nai	1%	1%	Đóng tàu và cấu kiện nổi

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	82.705.862.542	(28.235.959.033)	119.186.726.251	(28.235.959.033)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	71.488.482	(71.488.482)	71.488.482	(71.488.482)
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	52.437.220.055	-	82.412.070.347	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	(26.096.125.925)	26.096.125.925	(26.096.125.925)
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.032.683.454	-	8.538.696.871	-
Công ty CP Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	(2.068.344.626)	2.068.344.626	(2.068.344.626)
Bên khác	52.731.342.860	(33.029.454.906)	54.643.627.996	(31.125.294.601)
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	(21.759.494.013)	21.759.494.013	(21.759.494.013)
Công ty CP Đầu tư Huy Thanh	9.700.000.000	-	13.000.000.000	-
Các khách hàng khác	21.271.848.847	(11.269.960.893)	19.884.133.983	(9.365.800.588)
	135.437.205.402	(61.265.413.939)	173.830.354.247	(59.361.253.634)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hiếu Liêm	675.218.967	(675.218.967)	675.218.967	(675.218.967)
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc xanh	260.000.000	-	320.712.625	-
Công ty TNHH Thảo Truyền	250.000.000	(250.000.000)	250.000.000	(250.000.000)
Các đối tượng khác	1.053.737.589	(478.185.998)	921.390.998	(478.185.998)
	2.238.956.556	(1.403.404.965)	2.167.322.590	(1.403.404.965)

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	851.770.827	-	-	-
Phải thu về tạm ứng	1.449.813.642	(868.569.802)	1.424.563.896	(572.175.788)
Phải thu khác	28.722.473.027	(8.383.865.568)	9.806.308.444	(4.667.617.935)
- Công ty CP Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	(3.268.873.511)	3.268.873.511	(3.268.873.511)
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.282.372.955	-	1.282.372.955	-
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.172.545.203	-	1.293.000.746	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	21.447.520.000	(3.716.247.633)	-	-
- Các khoản khác	1.551.161.358	(1.398.744.424)	3.962.061.232	(1.398.744.424)
	31.024.057.496	(9.252.435.370)	11.230.872.340	(5.239.793.723)
b) Dài hạn				
Phải thu khác	12.897.200.000	-	12.897.200.000	-
- Hợp tác: Dự án chung cư Long Sơn Riverside (ii)	12.897.200.000	-	12.897.200.000	-
	12.897.200.000	-	12.897.200.000	-
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.282.372.955	-	1.282.372.955	-
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.172.545.203	-	1.293.000.746	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	(3.716.247.633)	-	-
	23.902.438.158	(3.716.247.633)	2.575.373.701	-

(i) Khoản phải thu khác của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (gọi tắt là PVC-SG) số tiền là 21.447.520.000 VND theo Biên bản đàm phán phụ lục hợp đồng số 17 ngày 26 tháng 06 năm 2023 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là PetroCons) và Công ty về việc thương thảo, đàm phán điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng chìa khóa trao tay Thuộc dự án Đầu tư Xây dựng Công trình "Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh" số 101/HĐXD/PVC-PVC IC/2013 ngày 30/05/2013. Theo đó, khoản tiền tạm ứng phải thu của PVC-SG số tiền là 21.447.520.000 VND sẽ được Công ty tiếp nhận lại từ PetroCons. Đồng thời, Công ty sẽ có trách nhiệm quyết toán giá trị khối lượng mà PVC-SG đã thực hiện tại dự án này số tiền là 17.731.272.367 VND trên cơ sở Biên bản chuyển giao công nợ số 1240/BB-VĐKVN ngày 22/05/2013 giữa Viện Dầu khí Việt Nam, PetroCons và PVC-SG. Tại ngày 31/12/2023, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của PVC-SG số tiền là 3.716.247.633 VND tương ứng với phần chênh lệch phải thu và phải trả phần quyết toán giá trị khối lượng mà PVC-SG đã thực hiện tại dự án này.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/06/2010:

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (IDICO Long Sơn); Công ty CP Xây dựng Thương mại dịch vụ Khang Thông (Khang Thông); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) tỷ lệ góp vốn lần lượt là 85%, 5% và 10%.
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
- Nội dung hợp tác: kinh doanh phần diện tích căn hộ chung cư, trung tâm thương mại cùng các giá trị tài sản khác hình thành trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh dự án.
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Các bên tham gia được hưởng lợi nhuận, gánh chịu rủi ro lỗ hoặc các khoản rủi ro kinh doanh trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành (IDICO Long Sơn) và theo tỷ lệ góp vốn.
- Tại ngày 31/12/2023: dự án đã hoàn thành thi công, mở bán và kinh doanh với phần căn hộ, diện tích sân trung tâm thương mại. Đến thời điểm hiện tại, Do dự án đang vướng thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở lâu dài nên Công ty chưa nhận kết quả phân chia kinh doanh từ Hợp đồng này.

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng	61.265.413.939	-	59.361.253.634	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	26.096.125.925	-	26.096.125.925	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
Các đối tượng khác	13.409.794.001	-	11.505.633.696	-
b) Trả trước cho người bán	1.403.404.965	-	1.403.404.965	-
c) Phải thu khác	9.252.435.370	-	5.239.793.723	-
	71.921.254.274	-	66.004.452.322	-

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	281.485.430	(281.485.430)	281.485.430	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	164.653.437.621	-	155.772.894.107	-
	164.934.923.051	(281.485.430)	156.054.379.537	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình chung cư số 33A, Đường 30/4 (1)	32.986.594.500	33.241.702.671
Công trình thi công 1 số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 (2)	40.700.068.314	39.912.677.204
Công trình thi công 1 số hạng mục Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 (3)	89.000.060.160	80.535.642.363
Công trình Viện dầu khí - giai đoạn 2	1.966.714.647	1.853.714.647
Các công trình khác	-	229.157.222
	<u>164.653.437.621</u>	<u>155.772.894.107</u>

(1) Đây là phần chi phí dở dang còn lại của hạng mục công trình thuộc dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 tuy nhiên chưa được quyết toán.

(2) Công trình thi công 1 số hạng mục Nhà máy nhiệt điện sông Hậu 1 do Công ty thực hiện thi công xây dựng các hạng mục thuộc nhà máy chính, bãi thải xỉ, hệ thống cảng và một phần kho than từ trục 01 đến 14 nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu. Tuy nhiên do thực hiện theo dạng hợp đồng EPC, ký với công ty mẹ là PETROCONS nên chưa thống nhất được đơn giá và tới thời điểm hiện tại chưa được quyết toán.

(3) Công ty đang trong quá trình thực hiện thi công xây dựng các hạng mục khu nhà máy chính Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo hợp đồng số 26/8/2014-21/2014/HĐKT/PVC-PVIC ngày 26/08/2014.

10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.299.859.621	39.499.889.346	6.245.428.000	802.533.279	62.847.710.246
- Tăng khác (i)	1.794.984.000	-	-	-	1.794.984.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(493.600.000)	-	(186.500.000)	(680.100.000)
Số dư cuối năm	18.094.843.621	39.006.289.346	6.245.428.000	616.033.279	63.962.594.246
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.627.144.454	37.195.120.968	5.695.725.990	802.533.279	59.320.524.691
- Khấu hao trong năm	672.715.167	1.065.324.349	416.361.840	-	2.154.401.356
- Tăng khác (i)	1.794.984.000	-	-	-	1.794.984.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(493.600.000)	-	(186.500.000)	(680.100.000)
Số dư cuối năm	18.094.843.621	37.766.845.317	6.112.087.830	616.033.279	62.589.810.047
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	672.715.167	2.304.768.378	549.702.010	-	3.527.185.555
Tại ngày cuối năm	-	1.239.444.029	133.340.170	-	1.372.784.199

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 42.828.821.422 VND (tại ngày 01 là 25.386.881.050 VND).

(i) Trong năm, Công ty đã nhận lại nhà điều hành tại thửa đất số 35D, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HDDV-BQLDA-ĐT ngày 08/03/2023 với Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) do thừa đất năm trong diện tích lô đất bị thu hồi theo Quyết định số 3339/QĐ - UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và việc thu hồi 8.070,6 m² đất tại số 35, Đường 30/04, Phường 9, thành phố Vũng Tàu do hết thời hạn thuê đất nhưng không được gia hạn. Công ty đã ghi nhận tăng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tài sản bằng với giá trị sổ sách tại thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho PVC - PT.

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	21.280.012.426	21.280.012.426	16.135.724.147	16.135.724.147
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.133.722.211	3.133.722.211	2.300.722.566	2.300.722.566
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	-	195.228.500	195.228.500
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	259.778.108	259.778.108	259.778.108	259.778.108
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	7.038.627.523	7.038.627.523	8.214.522.663	8.214.522.663
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.775.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658	2.775.388.658
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Chi nhánh Phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.719.125.171	5.719.125.171	-	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	247.321.233	247.321.233	284.034.130	284.034.130
Bên khác	51.018.479.399	51.018.479.399	61.286.338.178	61.286.338.178
Công ty CP bê tông Thành Nam	6.650.312.248	6.650.312.248	6.650.312.248	6.650.312.248
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	-	-	6.321.903.344	6.321.903.344
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hoàng Đạt	4.400.393.762	4.400.393.762	4.680.393.762	4.680.393.762
Các đối tượng khác	39.967.773.389	39.967.773.389	43.633.728.824	43.633.728.824
	72.298.491.825	72.298.491.825	77.422.062.325	77.422.062.325
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	7.038.627.523	7.038.627.523	8.214.522.663	8.214.522.663
Công ty TNHH Nghĩa Thành	2.995.658.601	2.995.658.601	3.075.658.601	3.075.658.601
Công ty CP Kỹ Thuật Xây dựng Phú Mỹ (PMEC)	2.454.156.954	2.454.156.954	2.654.156.954	2.654.156.954
Các người bán khác	24.541.188.481	24.541.188.481	25.939.386.643	25.939.386.643
	37.029.631.559	37.029.631.559	39.883.724.861	39.883.724.861

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	18.458.040.405	18.458.040.405
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam(i)	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
Bên khác	948.751.804	115.145.000
Công ty Cổ phần Bê Tông CMAX	300.000.000	-
Các đối tượng khác	648.751.804	115.145.000
	19.406.792.209	18.573.185.405

(i) Khoản người mua ứng trước của Ban quản lý dự án trường Đại học Dầu khí Việt Nam là phần tiền ứng trước theo hợp đồng số 39/2014/HĐ-DA HĐ ngày 29 tháng 12 năm 2014.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.038.863.528	376.840.784	2.530.500.000	2.885.204.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.695.021.946	-	5.197.485.714	497.536.232
Thuế thu nhập cá nhân	285.640.963	68.072.672	64.136.161	289.577.474
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	9.026.100.945	3.600.582.244	209.161.227	12.417.521.962
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	22.752.124.746	378.741.999	3.000.000	23.127.866.745
	42.797.752.128	4.424.237.699	8.004.283.102	39.217.706.725

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tại thời điểm 31/12/2023, số tiền thuế và các khoản phải nộp khác đã quá thời hạn nộp là: 38.928.129.251 VND.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước tiền chậm nộp thuế	2.405.554.853	841.019.616
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình Viện Dầu khí giai đoạn 1	20.183.555.097	-
Chi phí phải trả khác	797.613.636	168.129.378
	23.386.723.586	1.009.148.994
Trong đó: Bên liên quan		
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	17.731.272.367	-
	17.731.272.367	-

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	403.986.275	780.904.275
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	819.432.246
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.881.974.638	31.648.959.076
- Chi phí lãi vay	1.779.681.738	1.750.484.732
- Vay cá nhân	27.895.668	87.895.668
- Phí bảo trì chung cư 33A (i)	10.727.767.930	12.988.963.930
- Các khoản khác	13.346.629.302	16.821.614.746
	26.285.960.913	33.249.295.597
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Chi phí gốc và lãi vay	1.807.577.406	1.838.380.400
	1.807.577.406	1.838.380.400

(i) Đây là Kinh phí bảo trì toà nhà tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải bàn giao trả cho Ban quản trị nhà chung cư PVC-IC Diamond. Số dư giảm trong năm do Công ty thực hiện bù trừ giữa công nợ phải thu tiền xe ô tô với công nợ phải trả tiền phí bảo trì chung cư. Hiện tại, Công ty đang bàn giao hồ sơ sửa chữa và giá trị khối lượng đã bảo trì để hoàn trả lại tiền quỹ này.

16 VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	500.000.000	500.000.000	-	300.000.000	200.000.000	200.000.000
	500.000.000	500.000.000	-	300.000.000	200.000.000	200.000.000

(i) Khoản vay ngắn hạn với Bà Lê Thị Tố Nga có lãi suất là 9,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng nhằm mục đích bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.

17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình Toà nhà 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu	12.605.703.560	12.637.246.584
	12.605.703.560	12.637.246.584

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	300.000.000.000	14.519.193.263	(154.206.086.471)	160.313.106.792
Lãi trong năm trước	-	-	(4.876.682.571)	(4.876.682.571)
Số dư cuối năm trước	<u>300.000.000.000</u>	<u>14.519.193.263</u>	<u>(159.082.769.042)</u>	<u>155.436.424.221</u>
Lãi trong năm nay	-	-	(19.341.418.850)	(19.341.418.850)
Số dư cuối năm nay	<u>300.000.000.000</u>	<u>14.519.193.263</u>	<u>(178.424.187.892)</u>	<u>136.095.005.371</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023 VND	Tỷ lệ	01/01/2023 VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51,00%	153.000.000.000	51,00%
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49,00%	147.000.000.000	49,00%
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.519.193.263	14.519.193.263
	<u>14.519.193.263</u>	<u>14.519.193.263</u>

19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	24.906.366.429	1.491.295.518
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	(12.343.146)
Doanh thu khác	5.479.176.766	6.116.215.660
	<u>30.385.543.195</u>	<u>7.595.168.032</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	24.906.366.429	1.491.295.518

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	27.878.940.401	1.491.295.518
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	(12.343.146)
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	281.485.430	(967.489.376)
Giá vốn khác	3.197.090.057	4.422.193.834
	<u>31.357.515.888</u>	<u>4.933.656.830</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	15.325.018.452	2.618.509.871

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.581.017.276	1.061.340.483
	<u>2.581.017.276</u>	<u>1.061.340.483</u>

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	41.357.539	47.500.005
Dự phòng đầu tư tài chính	10.277.811	-
	<u>51.635.350</u>	<u>47.500.005</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi trả trợ cấp thôi việc	-	79.092.500
Chi phí nhân công	3.411.069.294	3.142.784.301
Chi phí đồ dùng văn phòng	76.439.356	132.608.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	672.715.167	1.246.316.448
Thuế, phí và lệ phí	3.006.902.364	1.917.814.082
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	5.916.801.952	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.090.153	572.776.335
Chi phí khác	888.624.677	1.034.558.729
	14.501.642.963	8.125.950.766

24 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, hàng tồn kho	555.454.546	95.454.545
Thuế được giảm	-	4.574.285.141
Thanh lý hợp đồng chuyển giao tài sản (i)	1.570.796.909	-
Thu nhập khác	1.902.039.668	537.056.879
	4.028.291.123	5.206.796.565

Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan 1.570.796.909 -
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

(i) Đây là khoản tiền phạt, bồi thường liên quan đến việc thanh lý hợp đồng chuyển nhượng lô đất tại địa chỉ 35D Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu với Công ty với Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) (xem thêm Thuyết minh số 10).

25 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.993.220.128	5.366.441.822
Chi phí thanh lý hợp đồng chuyển giao tài sản (i)	7.818.181.818	-
Các khoản khác	614.074.297	266.438.228
	10.425.476.243	5.632.880.050

Trong đó: Chi phí khác mua từ các bên liên quan 8.665.846.966 -
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

(i) Đây là khoản thu nhập và chi phí liên quan đến việc thanh lý hợp đồng chuyển nhượng lô đất tại địa chỉ 35D Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu với Công ty với Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) (xem thêm Thuyết minh số 10). Số tiền này được xác định bằng giá trị mà Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác năm 2016 khi chuyển nhượng các tài sản này.

26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(19.341.418.850)	(4.876.682.571)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.993.220.128	5.366.441.822
- Chi phí không được trừ	1.993.220.128	5.366.441.822
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(4.574.285.141)
- Tiền chậm nộp thuế được giảm	-	(4.574.285.141)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(17.348.198.722)	(4.084.525.890)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	1.904.357.199
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.695.021.946	3.790.664.747
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.197.485.714)	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	497.536.232	5.695.021.946

27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(19.341.418.850)	(4.876.682.571)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(19.341.418.850)	(4.876.682.571)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(645)	(163)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.292.915.062	3.712.761.925
Chi phí nhân công	4.976.426.001	6.349.741.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.154.401.356	2.731.147.320
Thuế, phí và lệ phí	3.006.902.364	1.917.814.082
Chi phí dự phòng	5.916.801.952	(967.489.376)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.660.061.691	6.950.107.887
Chi phí khác bằng tiền	1.450.708.509	1.438.988.828
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	54.458.216.935	22.133.071.818

29 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về các khoản chậm nộp thuế, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hoá đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng này như sau:

- Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công với Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn đã có quyết định bản án số 42/2023/KDTM ngày 25/04/2023 của Tòa án nhân dân quận 1 thành phố Hồ Chí Minh công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền là 36,52 tỷ VND trong đó nợ gốc là 21,75 tỷ VND và nợ lãi là 14,76 tỷ VND.

- Đối với vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình phải thu của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đã có quyết định bản án sơ thẩm số 36/2022/QĐ-SCBS ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân quận 3 thành phố Hồ Chí Minh: chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty buộc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải trả cho Công ty tổng số tiền là 46,8 tỷ VND trong đó nợ gốc là 26,09 tỷ VND; số tiền nợ lãi là 20,78 tỷ VND.

- Đối với các vụ kiện công nợ phải trả đều có quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu công nhận sự thỏa thuận các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải cụ thể.

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cảng dịch vụ dầu khí	Cùng tập đoàn
Công ty CP Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	Cùng tập đoàn
Chi nhánh Phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty CP Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	Cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Cùng tập đoàn
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Cùng tập đoàn
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Cùng tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	24.906.366.429	1.491.295.518
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	24.906.366.429	1.491.295.518
Mua hàng hóa dịch vụ	15.325.018.452	2.618.509.871
Công ty Cảng dịch vụ dầu khí	1.389.115.926	1.099.760.356
Chi nhánh Phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.199.204.701	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.736.697.825	1.518.749.515

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác	1.570.796.909	-
Công ty CP Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	1.570.796.909	-
Chi phí khác	8.665.846.966	-
Công ty CP Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	8.665.846.966	-

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

Chức vụ		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/11/2022)	-	248.796.355
Ông Ngô Bùi Ngọc	Chủ tịch HĐQT	267.021.200	63.370.636
Bà Lê Thị Thu Huyền	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)	28.000.000	-
Ông Trần Ngọc Lâm	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)	14.000.000	42.000.000
Ông Trần Sỹ Huân	Thành viên độc lập	42.000.000	3.500.000
Ông Lê Minh Hải	Giám đốc	267.021.200	18.556.364
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Phó Giám đốc	226.166.636	233.029.817
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc	227.591.727	257.422.909
Bà Ngô Thị Thu Hoài	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)	33.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Thành Huế	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)	55.230.000	-
Bà Ngô Thị Trúc Vy	Thành viên BKS	24.000.000	2.000.000
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)	85.575.136	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí**Báo cáo tài chính**Địa chỉ: 35D, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	14.081.452.138	-	(14.081.452.138)	(1)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	29.034.966.754	42.797.752.128	13.762.785.374	(2)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(131.238.531.530)	(159.082.769.042)	(27.844.237.512)	(1) (2)

(1) Do điều chỉnh giảm giá trị lợi thế quyền thuê đất tại thửa đất 35D và 35K Đường 30/04, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 đến năm 2019 với giá trị là 14.081.452.138 VND.

(2) Điều chỉnh giảm số thuế phải nộp theo quyết định của Cơ quan thuế số tiền 13.762.785.374 VND



Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu



Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024



TCT CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số: 107/CNDD-TCKT

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

V/v: Giải trình một số nội dung tại Báo cáo
kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trước hết Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) xin gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng.

Nhằm làm rõ một số nội dung tại Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") xin có một số ý kiến giải trình như sau:

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Trong số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2023 của Công ty bao gồm giá trị dở dang của dự án Diamond Sea (Lapen Center) tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 09). Dự án này đã hoàn thành và đi vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa quyết toán dự án.

Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tới Báo cáo tài chính kèm theo.

Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, số dư chi phí SXKD dở dang của dự án Khu phức hợp thương mại - dịch vụ - văn phòng và căn hộ tại số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với giá trị 32,99 tỷ VND. Đây là chi phí xây dựng của 123 chỗ đậu xe ô tô tại tầng hầm B2 thuộc sở hữu của chủ đầu tư. Hiện nay Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán vốn đầu tư của dự án, sau khi có kết quả kiểm toán vốn đầu tư thì Công ty sẽ làm thủ tục để hạch toán chi phí dở dang còn lại trên.

2. Công ty Công ty đã thanh lý hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 35D Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 21/2016/HĐDV-BQLDA.ĐT ngày 08/03/2023. Lô đất này đã bị thu hồi theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, Công ty chưa bàn giao lại lô đất cho địa phương và vẫn ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 đối với tài sản trên khu đất (nhà cửa, vật kiến trúc) theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển giao tài sản sang cho PVC-PT (ngày 30/12/2016) với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế cùng là 1.794.984.000 VND (Thuyết minh số 10).

Đồng thời, Công ty cũng đã ghi nhận khoản tiền phạt, bồi thường 1,5 tỷ VND vào chi tiêu Thu nhập khác (Thuyết minh số 24) và ghi nhận vào chi tiêu Chi phí khác số tiền 7,82 tỷ VND (là số tiền mà Công ty đã ghi nhận thu nhập khác về thanh lý tài sản khi ký hợp đồng chuyển nhượng năm 2016) (Thuyết minh số 25).



WMA

Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tới Báo cáo tài chính kèm theo.

Giải trình của Công ty: Sau khi có quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã làm các thủ tục để bàn giao khu đất tại số 35 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhưng do vướng mắc một số tài sản trên đất chưa được tháo dỡ, nên hiện nay vẫn chưa bàn giao được. Vì vậy, chúng tôi vẫn đang sử dụng diện tích của khu đất này để làm trụ sở văn phòng Công ty và đóng tiền thuê đất hằng năm. Do không gia hạn được hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên hợp đồng dịch vụ số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 30/12/2016 không được thực hiện. Ngày 08/03/2023 giữa Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí và Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã ký Thanh lý hợp đồng dịch vụ số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT và ký Biên bản bàn giao hiện trạng văn phòng làm việc đã qua sử dụng tại số 35D đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, Công ty Ghi tăng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản nhận lại là 1.794.984.000 VND; ghi tăng Thu nhập khác khoản tiền phạt, bồi thường là 1,5 tỷ VND và ghi nhận tăng khoản chi phí khác là 7,82 tỷ VND bằng với thu nhập khác về thanh lý tài sản đã ghi nhận khi ký hợp đồng dịch vụ số 21/2016/HĐDV-CNDD-BQLDA.ĐT ngày 30/12/2016.

3. Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Đầu tư chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 7) đã hoàn thành từ năm 2019.

Giải trình của Công ty: Hiện nay Dự án đang được hoàn thiện hồ sơ pháp lý và làm thủ tục để kiểm toán vốn đầu tư của Dự án. Vì vậy Công ty chưa đánh giá hiệu quả của việc góp vốn vào dự án này.

4. Ngoài ra, Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 của các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,46 tỷ VND và 4,26 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 30,19 tỷ VND và 29,28 tỷ VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ chưa được xác nhận này.

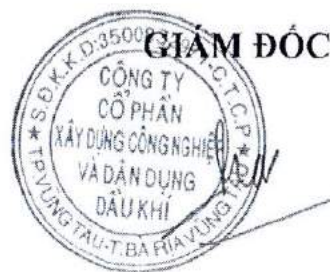
Giải trình của Công ty: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả của chi tiêu phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí để làm rõ một số nội dung tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT, (Inh, 4)



Lê Minh Hải

Wbx